CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

----------☆☆☆----------

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

TẠI "CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI"

Địa chỉ: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2026

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

----------☆☆☆----------

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

TẠI "CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI"

Địa chỉ: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

M.S.C.N:0300419930-007 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Tấn Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2026

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/BC-CTBVMT/2025	*TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2025*

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI.**
- Địa chỉ trụ sở chính: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh.
- Địa điểm hoạt động cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: Email:
- Người đại diện: Ông HUỲNH TẤN PHÚC. Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất lốp ô tô (vành 20, vành 16, lốp ô tô 1 vòng tanh) và ống cao su dân dụng.
- Công suất theo GPMT: sản xuất lốp ô tô 256.764 sản phẩm/năm (vành 20: 130.482 sản phẩm/năm và vành 16: 126.282 sản phẩm/năm) và ống cao su dân dụng 100 tấn sản phẩm/năm.
- Tần suất hoạt động: thường xuyên.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0300419930-007 do Sở Tài chính TP.HCM – Phòng đăng ký kinh doanh chứng nhận lần đầu ngày 19/04/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 7, ngày 15/04/2025.
- Hợp đồng thuê đất số 2033/HĐ-TĐ ngày 11/11/1997 giữa Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh và Xí nghiệp Cao su Bình Lợi (Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam).
- Giấy phép môi trường số 13039/UBND-HCC do UBND Thành phố Thủ Đức cấp ngày 31/12/2024.
- Giấy chứng nhận ISO 14001 (nếu có): không
- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất

Bảng 1.1. Khối lượng sản phẩm của cơ sở

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng sản phẩm		
			Theo GPMT	Năm 2024	Năm 2025
1	Lốp ô tô	Sản phẩm/năm	256.764	121.065	254.436
1.1	*Lốp ô tô vành 20*	*Chiếc/năm*	*130.482*	*50.498*	*56.948*
1.2	*Lốp ô tô vành 16*	*Chiếc/năm*	*126.282*	*70.567*	*78.253*
1.3	*Lốp ô tô 1 vòng tanh*	*Chiếc/năm*	*0*	*0*	*119.235*
4	Ống cao su dân dụng	Ống/năm	0	2.432.670	2.384.610
		Tấn/năm	100	54,9	55

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

- Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất:

+ Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu:

Bảng 1. 2 Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại cơ sở

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng		
			Theo GPMT	Năm 2024	Năm 2025
1	Vải mành tinh	Kg/năm	1.107.444	516.630	752.407
2	Cao su bán thành phẩm	Kg/năm	8.283.240	1.621.467	2.411.668
3	Mặt lốp(*)	Chiếc/năm	-	112.234	252.074
4	Tanh thép	Kg/năm	853.692	443.672	383.716
5	Màng hơi	Sợi/năm	840	581	750
6	Màng PE	Kg/năm	54.828	8.629	21.165
7	Decal	Tờ/năm	204.288	54.415	180.850
8	Monolube	Kg/năm	1.740	4.658	7.590

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

Ghi chú: (*) Trong quá trình sản xuất, cơ sở sử dụng đồng thời mặt lốp và cao su bán thành phẩm làm nguyên liệu đầu vào.

+ Nhu cầu sử dụng hóa chất:

Bảng 1. 3 Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở

TT	Hóa chất	Mục đích sử dụng	Đơn vị	Khối lượng		
				Theo GPMT	Năm 2024	Năm 2025
1	Hóa chất (lưu huỳnh, oxit kẽm, chất xúc tiến (TMTD, DTDM, TDEC	Dùng cho quy trình sản xuất ống cao su dân	Kg/năm	960	809	917

TT	Hóa chất	Mục đích sử dụng	Đơn vị	Khối lượng		
				Theo GPMT	Năm 2024	Năm 2025
	75,...).	dụng				
2	Chlorine	Dùng cho hệ thống XLNT	Kg/năm	240	70	20
3	Polymer		Kg/năm	24	8	2
4	PAC		Kg/năm	900	175	75
5	Mật mía		Kg/năm	0	0	660

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

+ Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại cơ sở

TT	Nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng		
			Theo GPMT	Năm 2024	Năm 2025
1	Xăng công nghệ	Lít/năm	79.200	52.468	64.195
2	Dầu DO	Lít/năm	10.560	3.980	13.120
3	Biomas (mùn cưa)	Kg/năm	5.400.000	450.000	6.783.120

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

+ Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện cho cơ sở được lấy từ mạng lưới điện quốc gia do Công ty Điện lực Thủ Đức cung cấp. Ngoài ra, cơ sở còn trang bị 01 máy phát điện dự phòng công suất 500 KVA đặt gần xưởng cơ năng để dự phòng khi bị mất điện hoặc hệ thống lưới điện quốc gia gặp sự cố. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở như sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

STT	Thời gian	Đơn vị tính	Lượng sử dụng điện năm 2024		Lượng sử dụng điện năm 2025	
			Tổng tháng	Trung bình ngày	Tổng tháng	Trung bình ngày
1	Tháng 01	kWh	239.118	7.713	190.269	6.795
2	Tháng 02	kWh	122.540	4.376	228.914	7.384
3	Tháng 03	kWh	289.643	9.343	275.046	8.872
4	Tháng 04	kWh	236.491	7.883	256.241	8.541
5	Tháng 05	kWh	316.958	10.224	244.525	7.888
6	Tháng 06	kWh	276.439	9.214	281.462	9.382
7	Tháng 07	kWh	197.297	6.364	359.539	11.598

STT	Thời gian	Đơn vị tính	Lượng sử dụng điện năm 2024		Lượng sử dụng điện năm 2025	
			Tổng tháng	Trung bình ngày	Tổng tháng	Trung bình ngày
8	Tháng 08	kWh	133.493	4.306	407.003	13.129
9	Tháng 09	kWh	265.014	8.838	465.314	15.510
10	Tháng 10	kWh	342.290	11.041	507.883	16.383
11	Tháng 11	kWh	277.010	9.233	507.929	16.930
12	Tháng 12	kWh	302.150	9.746	472.310	15.235

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

+ Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước sử dụng cho hoạt động của cơ sở được lấy từ nguồn nước thủy cục do Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Thời gian	Đơn vị tính (m^3)	Lượng nước sử dụng năm 2024		Lượng nước sử dụng năm 2025	
			Tổng tháng	Trung bình ngày	Tổng tháng	Trung bình ngày
1	Tháng 01	m^3	3.352	129	3.703	119
2	Tháng 02	m^3	2.975	186	2.213	79
3	Tháng 03	m^3	2.523	120	3.772	122
4	Tháng 04	m^3	3.513	147	3.974	132
5	Tháng 05	m^3	3.422	132	3.714	120
6	Tháng 06	m^3	5.858	235	4.172	139
7	Tháng 07	m^3	4.269	158	4.487	145
8	Tháng 08	m^3	3.735	156	4.855	157
9	Tháng 09	m^3	2.854	124	5.308	177
10	Tháng 10	m^3	3.343	124	5.647	182
11	Tháng 11	m^3	3.038	117	4.551	152
12	Tháng 12	m^3	3.655	141	-	-

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải

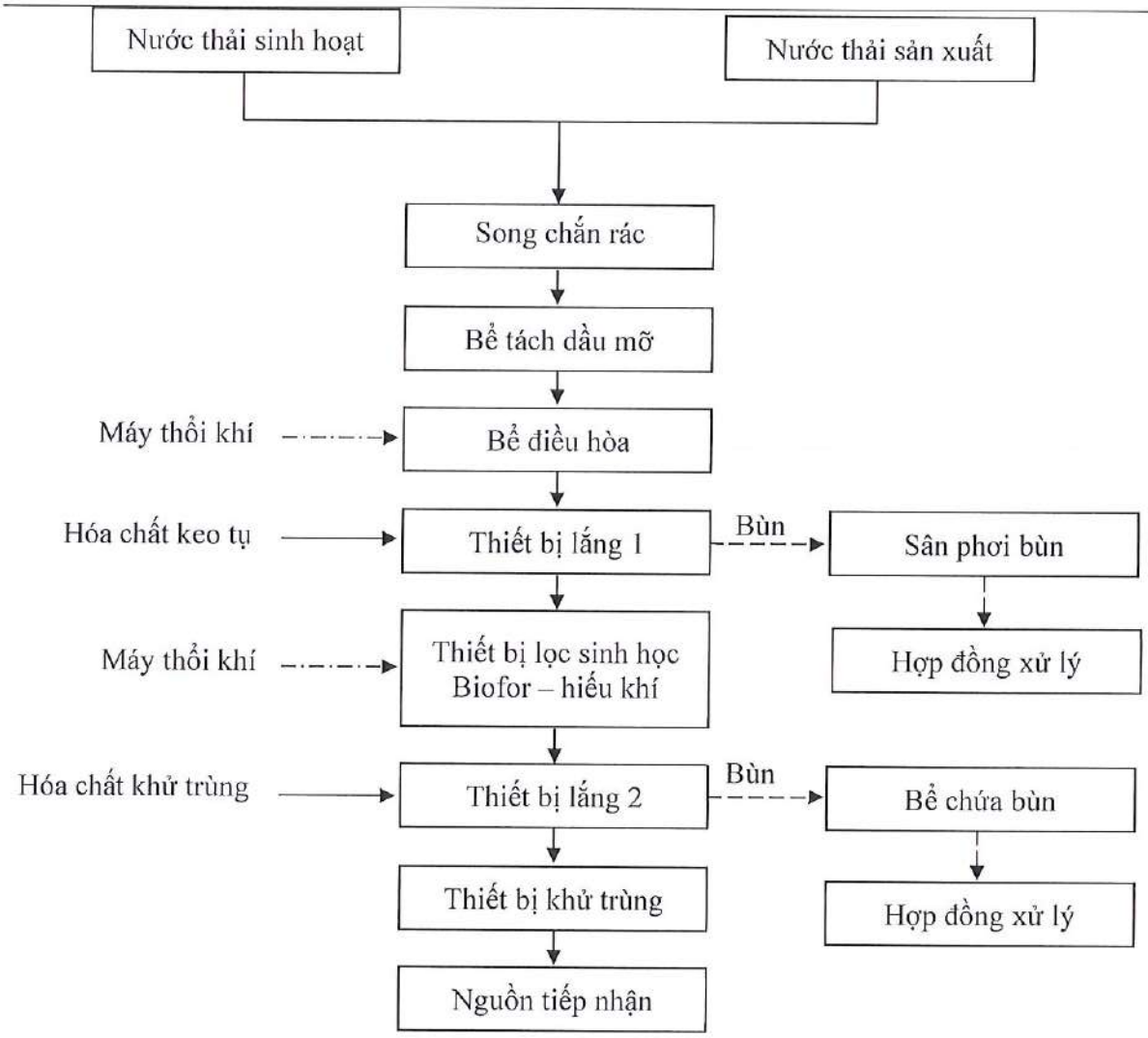
1.1. Xử lý nước thải

1.1.1. Công trình xử lý nước thải

Công trình xử lý nước thải tại cơ sở đang vận hành ổn định, không thay đổi so với kỳ báo cáo trước.

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của công ty; nước thải sản xuất được đưa trực tiếp về vào hệ thống xử lý nước thải của công ty. Tất cả nguồn nước thải phát sinh tại công ty sẽ được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với Kq=1,1 và Kf=1,1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là Sông Sài Gòn.

Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 65m^3/ngày và chính thức đi vào hoạt động xử lý nước thải ổn định với quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 2. 1 Quy trình công nghệ xử lý nước thải tại cơ sở

➢ ***Thuyết minh quy trình***

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt hằng ngày cùng với nước thải sản xuất của cơ sở được dẫn qua song chắn rác nhằm loại bỏ các vật thể có kích thước lớn ra khỏi nguồn nước thải. Sau đó, nước thải qua bể tách dầu mỡ tập trung về bể điều hòa. Nước thải từ bể điều hòa được bơm lên thiết bị lắng 1 và các hạng mục khác của hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường.

Song chắn rác: Loại bỏ tất cả các loại rác thô có trong nước thải có thể gây tắc nghẽn đường ống làm hư hại máy bơm và làm giảm hiệu quả xử lý nước thải của giai đoạn sau, cần phải bố trí thiết bị tách rác thô loại bỏ rác thô trong nước thải.

Bể tách dầu mỡ: Do nước thải sinh hoạt và sản xuất có chứa hàm lượng dầu mỡ khá cao nếu không có biện pháp xử lý thích hợp nó sẽ ức chế hoạt động của vi sinh vật trong nước. Do đó, nhiệm vụ của bể tách dầu mỡ là tách và giữ lại trong bể trước khi dẫn vào hệ thống xử lý,

tránh nghẹt bơm, đường ống và làm giảm quá trình xử lý sinh học phía sau. Dầu mỡ tách ra định kỳ được hút bỏ theo quy định.

Bể điều hòa: Bể điều hòa là nơi tập trung các nguồn nước thải thành một nguồn duy nhất và đồng thời để chứa nước thải cho hệ thống hoạt động liên tục.

Mục đích: do tính chất nước thải dao động theo thời gian trong ngày, (phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như: Nguồn thải và thời gian thải nước). Vì vậy, bể điều hòa là công trình đơn vị không thể thiếu trong bất kì một trạm xử lý nươc thải nào.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý, tránh hiện tượng hệ thống xử lý quá tải.

Nước thải từ bể điều hòa được bơm lên thiết bị lắng 1.

Thiết bị lắng 1

Nhiệm vụ: lắng các bông cặn sinh ra từ quá trình keo tụ, tạo bông và tách các bông này ra khỏi nước thải.

Nước thải này được dẫn vào ống phân phối nằm phân phối đều trên toàn bộ mặt diện tích ngang đáy thiết bị. Ống phân phối được thiết kế sao cho nước khi ra khỏi ống và đi lên với tốc độ chậm nhất (trong trạng thái tĩnh), khi đó các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được vận tốc của dòng nước đi lên sẽ lắng xuống đáy thiết bị lắng. Nước thải ra khỏi thiết bị lắng có nồng độ COD, BOD giảm 70 – 80% (hiệu quả lắng đạt 85 – 90%). Cặn lắng ở đáy thiết bị đưa về bể chứa bùn.

Một số bông cặn và bọt khí nước không lắng xuống đáy thiết bị mà sẽ nổi lên trên mặt nước. Nhờ hệ thống đập thu nước và chắn bọt mà các bông cặn và bọt khí không theo nước ra ngoài được. Các bông cặn và bọt khí đươc giữ lại ở mặt nước và được xả ra ngoài hệ thống phễu thu bọt.

Thiết bị lọc sinh học Biofor hiếu khí

Là công trình thiết kế cho xử lý nước thải bậc 2. Nó cũng có khả năng xử lý được cả N và P. Đây là thiết bị lọc hiếu khí có dòng nước thải chảy cùng chiều với khí O_2 sục vào từ dưới lên. Các vi sinh vật hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng do tác động của bọt khí và dạng dính bám. Từ đó chúng sẽ tiếp tục nhận oxy và chuyển hóa chất hữu cơ thành thức ăn. Quá trình này diễn ra nhanh nhất ở giai đoạn đầu và giảm dần về giai đoạn cuối bể. Vi sinh vật hiếu khí phát triển sinh khối trên vật liệu Plasdeck có bề mặt riêng lớn (nhờ O_2 sục vào) sẽ tiêu thụ các chất hữu cơ sinh khối làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất. Sau khi qua thiết bị này, COD, BOD giảm 80 – 90%. Sau đó, nước thải tiếp tục tự chảy qua bể lắng 2.

Thiết bị lắng 2

Nhiệm vụ: lắng các bông cặn, cặn lơ lửng sinh ra từ quá trình xử lý sinh học. Hoạt động cũng giống như thiết bị lắng 1, thiết bị lắng 2 góp phần xử lý triệt để lượng SS còn lại và giảm nồng độ COD, BOD đến mức thấp nhất. Sau đó, phần nước trong sẽ được tiếp tục chảy qua thiết bị khử trùng.

Thiết bị khử trùng

Nước thải sau khi xử lý bằng phương pháp sinh học còn chứa khoảng 10^5 và 10^6 vi khuẩn trong 100 ml, hầu hết các loại vi khuẩn này tồn tại trong nước thải không phải là vi trùng gây bệnh, những cũng không loại trừ một số vi khuẩn có khả năng gây bệnh.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với Kq=1,1 và Kf=1,1, được xả vào hố ga cuối cùng trước khi chảy ra sông Sài Gòn.

Sân phơi bùn hóa lý

Giữ và tách bùn lắng 1, Chủ cơ sở định kỳ hợp đồng xử lý bùn theo quy định.

Bể chứa bùn sinh học

Giữ và tách bùn lắng 2, Chủ cơ sở định kỳ hợp đồng xử lý bùn theo quy định.

1.1.2. Lưu lượng nước thải trung bình phát sinh

Nước thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt, lưu lượng phát sinh thực tế được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 2.1. Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

Thời gian	Đơn vị tính (m^3)	Nước thải năm 2024		Nước thải năm 2025	
		Tổng tháng	Trung bình ngày	Tổng tháng	Trung bình ngày
Tháng 01	m^3	327	12,58	242	12,1
Tháng 02	m^3	197	12,31	246	10,7
Tháng 03	m^3	268	12,76	310	11,9
Tháng 04	m^3	277	11,54	287	11,48
Tháng 05	m^3	314	12,08	383	15,32
Tháng 06	m^3	306	12,24	429	17,16
Tháng 07	m^3	254	9,41	365	14,04
Tháng 08	m^3	183	7,63	512	19,69
Tháng 09	m^3	211	9,17	553	19,75

Thời gian	Đơn vị tính (m^3)	Nước thải năm 2024		Nước thải năm 2025	
		Tổng tháng	Trung bình ngày	Tổng tháng	Trung bình ngày
Tháng 10	m^3	293	10,85	669	25,73
Tháng 11	m^3	223	8,58	653	26,12
Tháng 12	m^3	249	9,58	422	15,7
Tổng	**m^3**	**3.102**	-	**4.649**	-

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc nước thải định kỳ

- **Thời gian quan trắc:**

+ Đợt 1: 13/01/2025.

+ Đợt 2: 25/12/2025.

- **Tần suất quan trắc:** 06 tháng/ lần.

- **Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:** 2 mẫu/năm.

- **Đơn vị thực hiện quan trắc**: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam. Số Vimcerts: 039.

- **Đánh giá kết quả quan trắc theo giấy phép môi trường được cấp:**

Bảng 2. 2 Kết quả quan trắc nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với Kq=1,1 và Kf=1,1
			Đợt 1	Đợt 2	
1	pH	--	6,5	7,32	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	21	22	121
3	COD	mg/L	42	48	181,5
4	BOD_5	mg/L	19	22	60,5
5	Amoni	mg/L	KPH (LOD=0,5)	1,47	12,1
6	Tổng N	mg/L	20,2	11	48,4
7	Tổng P	mg/L	1,7	0,53	7,26
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 3	4,8	12,1
9	Coliform	MNP/100mL	$8,1x10^2$	< 1,8	5.000

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với Kq=1,1 và Kf=1,1
			Đợt 1	Đợt 2	
10	Màu	Pt/Co	22	31	150
11	Asen	mg/L	KPH (LOD=0,01)	0,00097	0,121
12	Thủy ngân	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	< 0,0003	0,0121
13	Cadimi	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	< 0,0002	0,121
14	Crom (VI)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	< 0,003	0,121
15	Crom (III)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,0032	1,21
16	Đồng	mg/L	KPH (LOD=0,03)	< 0,03	2,42
17	Kẽm	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,14	0,605
18	Niken	mg/L	KPH (LOD=0,003)	< 0,002	0,605
19	Mangan	mg/L	KPH (LOD=0,03)	< 0,03	1,21
20	Sắt	mg/L	KPH (LOD=0,04)	0,41	6,05
21	Sunfua	mg/L	KPH (LOD=0,03)	< 0,04	0,605
22	Florua	mg/L	KPH (LOD=0,06)	0,82	12,1
23	Chì	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,048	1.210
24	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	< 0,03	2,42

(Nguồn: Tổng hợp phiếu kết quả quan trắc nước thải của cơ sở, 2025)

Nhận xét: Hiện tại công ty đang vận hành ổn định công trình xử lý nước thải công suất 65 m^3/ngày. Nước thải sau hệ thống xử lý của công ty qua các đợt quan trắc trong năm 2025 đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với Kq=1,1 và Kf=1,1 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Công ty đã thực hiện quan trắc và giám sát nước thải đúng theo quy định đã được phê duyệt Giấy phép môi trường số 13039/UBND-HCC do UBND thành phố Thủ Đức cấp ngày 31/2/2024.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

2.1.1. Công trình xử lý khí thải

Công trình xử lý khí thải tại cơ sở đang vận hành ổn định, không thay đổi so với kỳ báo cáo trước.

Trong quá trình hoạt động, các nguồn có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí tại công ty bao gồm:

- Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông.
- Khí thải (mùi) từ công đoạn cán tráng, cán dem của quy trình sản xuất lốp ô tô.
- Bụi từ công đoạn phun chất chống dính trước khi qua công đoạn lưu hóa của quy trình sản xuất lốp ô tô.
- Khí thải (mùi) phát sinh từ công đoạn lưu hóa.
- Khí thải (hơi hóa chất) từ công đoạn phối liệu của quy trình sản xuất ống cao su dân dụng.
- Khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng lò hơi đốt nhien liệu biomas (mùn cưa).
- Khí thải máy phát điện dự phòng.

Để khống chế các nguồn ô nhiễm này, công ty đã thực hiện một số biện pháp như sau:

- *Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông*
  - Thường xuyên dọn dẹp, phun hơi nước để làm giảm bụi phát sinh.
  - Các phương tiện vận chuyển hàng hóa tắt máy xe trong quá trình bốc dỡ hàng hóa.
  - Phương tiện ra vào cơ sở giảm tốc độ.
- *Khí thải (mùi) từ công đoạn cán tráng, cán dem sản xuất lốp ô tô*
  - Bố trí khu vực sản xuất hợp lý.
  - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp như khẩu trang, bao tay,...
  - Xây dựng nhà xưởng thông thoáng, bố trí quạt công nghiệp.
  - Trồng cây xanh xung quanh cơ sở.
- *Bụi từ công đoạn phun chất chống dính sản xuất lốp ô tô*
  - Bố trí khu vực sản xuất hợp lý.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp như khẩu trang, bao tay,...
- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng, bố trí quạt công nghiệp.
- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở.

• *Khí thải (mùi) từ công đoạn lưu hóa sản xuất lốp ô tô*

- Bố trí khu vực sản xuất hợp lý.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp như khẩu trang, bao tay,...
- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng, bố trí quạt công nghiệp.
- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở.

• *Khí thải (hơi hóa chất) từ công đoạn phối liệu của quy trình sản xuất ống cao su dân dụng*

- Bố trí khu vực phối liệu cách biệt với khu vực sản xuất khác.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp như khẩu trang, bao tay,...
- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng, bố trí quạt công nghiệp.
- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở.

• *Khí thải máy phát điện dự phòng*

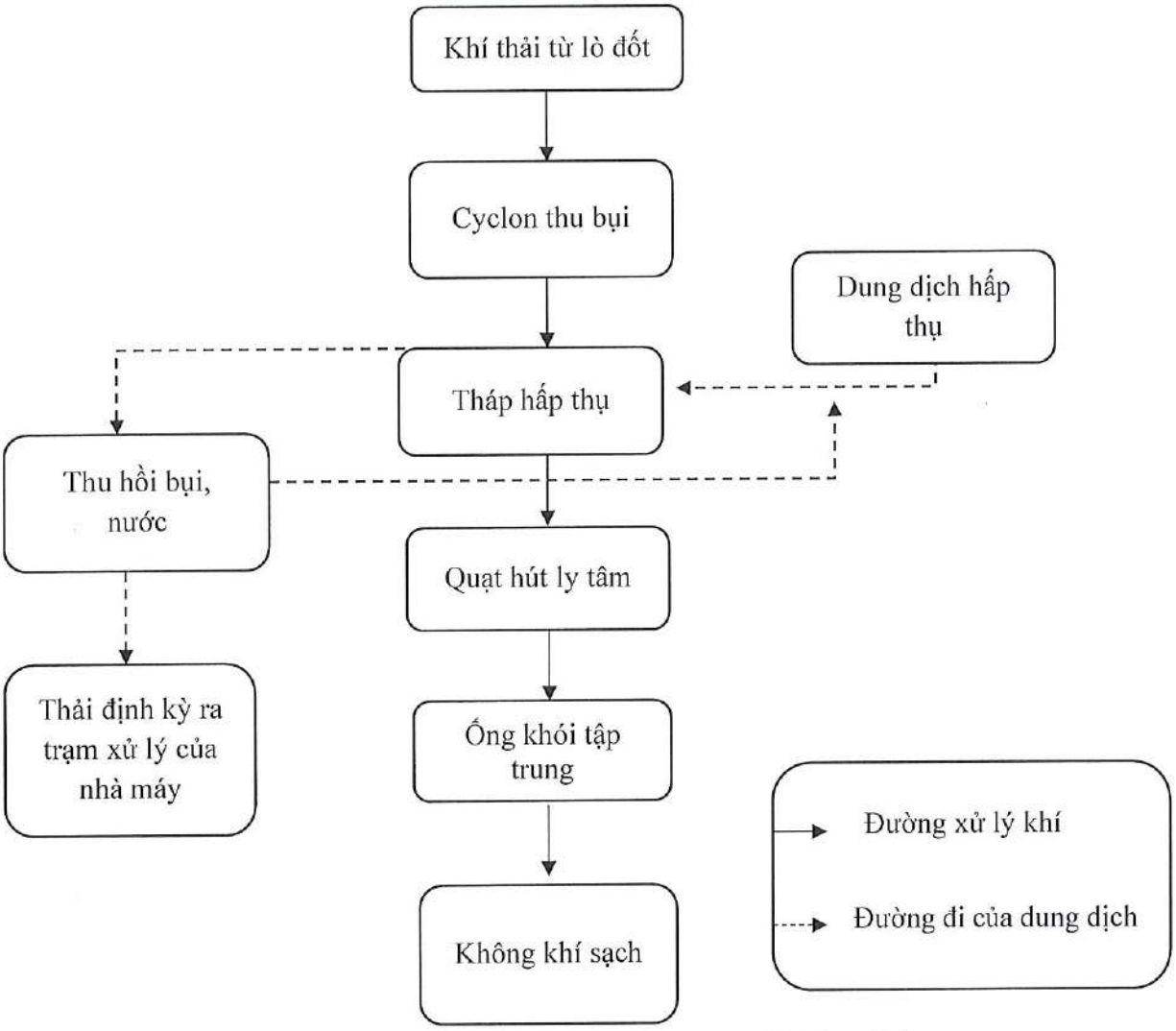
- Xây dựng phòng đặt máy hợp lý cho máy phát điện dự phòng.
- Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao, xung quanh có xây dựng mương an toàn để ngăn ngừa sự cố chảy tràn dầu ra ngoài.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.
- Khu vực chứa dầu để vận hành cũng được xây dựng an toàn, đảm bảo không gây rơi vãi dầu ra xung quanh.

• *Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt dư, tiếng ồn*

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị.
- Xung quanh cơ sở có trồng cây xanh để cản trở sự lan truyền sóng âm, hạn chế tiếng ồn lan truyền ra khu vực lân cận.

• *Khí thải từ lò hơi*

Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý lượng khí thải phát sinh tại khu vực này. Quy trình công nghệ xử lý khí thải cụ thể như sau:



Hình 2. 2 Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi

➢ ***Thuyết minh quy trình***

Khói thải ra sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải được dẫn qua thiết bị thu bụi (cyclone). Tại thiết bị này, bụi được giữu lại còn khí đi vào tháp hấp thụ để hấp thụ SO_x và một số loại khí sinh ra trong quá trình đốt như NO_x,... Tại thiết bị này, dung dịch hấp thụ (xút hoặc soda loãng) được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống lớp vật liệu đệm, khí thải chứa chất ô nhiễm được dẫn từ dưới đi lên. Nhờ lớp vật liệu có độ xốp rất cao, diện tích bề mặt lớn nhằm tối ưu hóa quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp quá trình hấp thụ được diễn ra dễ dàng. Khi đi ra khỏi thiết bị hấp thụ, không khí sạch được hút qua quạt hút ly tâm sau đó được đẩy vào ống thải cao 18m (vượt qua mái khoảng 8m) và thải ra ngoài. Khí thải sau hệ thống xử lý và thoát ra môi trường xung quanh đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1, Kv=0,6 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

=> Các biện pháp và công trình xử lý khí thải tại công ty không có thay đổi so với kỳ báo cáo trước.

2.1.2. Lưu lượng khí thải phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất

Tại cơ sở hiện hữu chỉ phát sinh một dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt với lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.190 m^3/giờ ≈ 30.168.000 m^3/năm (24 giờ/ngày, 300 ngày/năm).

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1.1. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: 01/07/2025

+ Đợt 2: 21/11/2025

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- **Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:** 2 mẫu/năm.

- **Đơn vị thực hiện quan trắc:** Công ty TNHH Bách Việt Đồng Nai. **Số Vimcerts:** 045.

- **Đánh giá kết quả quan trắc theo giấy phép môi trường được cấp:**

Bảng 2.3. Kết quả quan trắc khí thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kp=1, Kv=0,6
			Đợt1	Đợt 2	
1	Lưu lượng	m^3/h	7.271	8.122	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	80,1	70,5	**120**
3	CO	mg/Nm^3	39	196	**600**
4	NOx	mg/Nm^3	109	117	**510**
5	SO_2	mg/Nm^3	38	2	**300**

(Nguồn: Tổng hợp phiếu kết quả quan trắc nước thải của cơ sở, 202

Nhận xét: Hệ thống xử lý khí thải đang vận hành ổn định, khí thải sau xử lý đạt QCV 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p = 1$ và $K_v = 0,6$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải cô nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Công ty đã thực hiện quan trắc và giám sát khí thải đú theo quy định đã được phê duyệt Giấy phép môi trường số 13039/UBND-HCC do UBN thành phố Thủ Đức cấp ngày 31/2/2024.

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Công ty không thuộc trường hợp thực hiện qua trắc khí thải tự động, liên tục.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Công ty đã thực hiện thu gom và chuyển giao chất thải cho đơn vị xử lý theo đúng quy định.

a. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt

Bảng 2.4. Thống kế chất thải rắn sinh hoạt năm 2025

STT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn)/năm	Khối lượng (tấn)/ngày	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
1	Chất thải sinh hoạt	28,5	0,095	Chi nhánh Môi trường Đô thị Gia Định – Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TPHCM Hợp đồng số 83/HĐ.MTĐT.GĐ-SH/25.1.V ngày 26/12/2024	27
Tổng khối lượng		**28,5**	0,095	-	**27**

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

b. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và không thường xuyên)

Bảng 2.5. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2025

STT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1	Giấy carton, giấy văn phòng	0	0	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tuấn Minh Phát	0
2	Rìa cao su từ quá trình cắt	0	0		0
3	Tro xỉ từ lò hơi	360	107.796	Công ty TNHH Kim Trường Phúc chuyển giao cho Công ty	101.770

STT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
				TNHH Daligo theo 4đúng quy định của pháp luật	
4	Bùn thải từ HTXL nước thải	0	0	Công ty TNHH XD DV Môi trường Nguồn Sống Xanh	-
Tổng		**360**	**107.796**		**101.770**

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Bảng 2.6. Thống kê chất thải nguy hại năm 2025

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2025 (kg/năm)	Số lượng năm 2025 (kg/ngày)	Phương pháp xử lý (i)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng đợt gần nhất năm 2024 (kg/năm)
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	21	0,07	HR-CL	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM Hợp đồng số 686/HĐ.MTĐT-NH/25.1.VX ngày 26/12/2024	12
Cặn dầu nhớt thải từ bảo trì máy móc, thiết bị	17 02 03	16	0,05	TĐ		20
Thùng phuy nhựa, bao bì dính thành phần nguy hại	18 01 01	54	0,18	TĐ		0
Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải	18 02 01	73	0,24	TĐ		40
Tổng khối lượng		**164**	**0,54**			**72**

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, 2025)

Phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ

(Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

– Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:

Tiếp tục thực hiện quản lý, phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tiếp tục hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý CTNH cho năm tiếp theo đúng quy định.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, cụ thể gồm:

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình vận hành HTXL nước thải.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó xử lý nước thải trong quá trình sửa chữa.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó xử lý nước thải trong khi gặp thiên tai (mưa, bão,..) hoặc triều cường.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình vận hành HTXL khí thải.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

– Các công trình phòng ngừa sự cố tại cơ sở:

+ Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

+ Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi tường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật bảo vệ môi trường.

+ Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng, hoạt động theo phương án đã được phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

– Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở như sau:

Sự cố hóa chất

Thiết kế nhà kho chứa hóa chất theo TCVN 5507:2002 và Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/12/2017 về hướng dẫn Luật hóa chất:

– Trường hợp rơi ngã thiết bị chứa hóa chất nhưng không tràn đổ hóa chất ra môi trường: Sử dụng xe nâng hàng để tiếp tục di chuyển kiện hàng hóa chất đến vị trí sắp xếp, sử dụng (kiểm tra lại chất lượng thiết bị chứa trước khi chất xếp).

– Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất: Thông tin cho mọi người xung quanh được biết sự cố, cách li khu vực có hóa chất rò rỉ bằng các biển cảnh báo, người cảnh giới, cách li càng xa càng tốt, nhân viên Đội ứng phó sự cố có mặt tại hiện trường nhanh chóng trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, sử dụng các vật liệu thấm hút (giẻ lau nếu tràn đổ ít hay thùng phuy rỗng và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại chờ mang đi xử lý theo quy định, sư dụng phương tiện xe nâng di chuyển thiết bị chứa hóa chất bục vỡ, tràn đổ đến lưu chứa tại kho CTNH chờ mang đi xử lý theo quy định; áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất được duyệt, theo quy định khác.

Sự cố cháy nổ

Để hạn chế các sự cố về cháy nổ, cơ sở đã có những phương án phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ như sau:

+ Đã trang bị hệ thống báo cháy và hệ thống chữa cháy tự động, Việc báo cháy sẽ được thông qua một hệ thống bao gồm các công tắc báo khẩn, đầu báo cháy, báo động được thực hiện bằng các còi báo động đặt bên trong mỗi tòa nhà.

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ theo quy định của công an PCCC. Các phương tiện chữa cháy (bình chữa cháy CO_2, cát, xẻng, sào cắt điện,...) sẽ được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.

+ Bể chứa nước PCCC có thể tích 300 m^3, đảm bảo chữa cháy trong trường hợp có xảy ra sự cố.

+ Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện khác để khi có cháy xảy ra thì chữa cháy kịp thời, có hiệu quả.

+ Định kỳ tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, tổ chức các buổi diễn tập PCCC

Sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, các sự cố thường gặp có thể xảy ra tại hệ thống xử lý như sau:

+ Các sự cố về thiết bị điện ở các tủ điện điều khiển trong quá trình vận hành của công nhân, gây cháy nổ, nguy hiểm đến tính mạng của công nhân vận hành.

+ Hư hỏng bơm định lượng hóa chất, đầu dò pH…

+ Sự cố của các thiết bị điều khiển tự động, các đèn tín hiệu…

+ Sự cố về các công trình và thiết bị khác như đường ống, van, máy bơm nước… do chất lượng thiết bị ngay từ giai đoạn chuẩn bị vật tư và thi công lắp đặt không đảm bảo, gây ảnh hưởng tới hoạt động của toàn bộ hệ thống xử lý (ngừng hoạt động, quá tải…).

Để giảm thiểu sự cố về HTXL nước thải, cơ sở thực hiện các biện pháp sau đây:

+ Thường xuyên giám sát nồng độ các chất ô nhiễm có khả năng gây ô nhiễm và ô nhiễm nặng.

+ Lập kế hoạch bảo hành định kỳ đối với thiết bị máy móc và đối với những đơn vị công trình quan trọng cần có thiết bị dự phòng.

+ Vận hành các hệ thống xử lý theo đúng quy trình đã lập.

+ Để phòng ngừa sự cố hệ thống XLNT tạm ngừng hoạt động, cơ sở sẽ trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng như máy bơm, máy khuấy, máy châm hóa chất,…

+ Bố trí nhân viên môi trường tham gia học các chương trình nâng cao nhận thức về BVMT nhằm đào tạo kỹ năng cho cán bộ, nhân viên vận hành các công trình xử lý môi trường.

Để giảm thiểu các tác động do các sự cố dẫn đến hiệu quả xử lý không đạt, chủ cơ sở sẽ tiến hành các biện pháp sau đây:

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành.

+ Nhân viên vận hành phải được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống XLNT.

+ Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống XLNT: Thiết lập chương trình quan trắc thích hợp cho hệ thống XLNT; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống XLNT.

- *Biện pháp ứng phó xử lý nước thải trong quá trình sửa chửa:*

Trong quá trình hoạt động tại cơ sở hệ thống xử lý nước thải thường xuyên được bảo trì bảo dưỡng, vì vậy trước khi tiến hành bảo trì đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ chọn bảo trì vào ngày nghỉ để cắt nguồn thải và hệ thống sẽ xử lý toàn bộ nước thải thu gom được từ bể điều hoà. Sau khi xử lý hết sẽ tạm ngưng hệ thống để tiến hành sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng.

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hỏng đột xuất, đơn vị vận hành sẽ đóng cổng xả ra nguồn tiếp nhận và tiến hành sửa chữa ngay (vì hệ thống xử lý nước thải có công suất 65 m^3/ngày đêm, lớn hơn so với lưu lượng xả thải tối đa là 29 m^3/ngày.đêm vì vậy tạm ngưng hệ thống để sửa chữa thì hệ thống vẫn đủ dung tích để lưu chứa lượng nước thải).

- *Biện pháp ứng phó xử lý nước thải trong khi gặp thiên tai (mưa, bão,..) hoặc triều cường:*

Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở được xây nổi trên mặt đất và tại cơ sở luôn có nhân viên bảo vệ tại cơ sở. Để phòng tránh trường hợp do thiên tai mưa, bão hoặc triều cường chủ dự án áp dụng những biện pháp sau:

+ Thường xuyên theo dõi thông tin dự báo thời tiết;

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống;

+ Chuẩn bị các thiết bị sửa chữa khi cần thiết;

+ Đóng cổng xả thải ra môi trường để tránh nước từ ngoài tràn vào.

+ Tuy nhiên việc đóng cửa xả thải vẫn không gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của cơ sở.

- *Sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải:*

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải định kỳ nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý.

Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút.

+ Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Một số biện pháp khắc phục sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải như sau:

Bảng 2. 7. Phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống xử lý khí thải

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biệp pháp khắc phục
Quạt hút	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục
Hệ thống xử lý khí thải	Hoạt động không hiệu quả Hệ thống bị nghẹt	Dung dịch hấp thụ bão hòa	Kiểm tra hệ thống thay dung dịch hấp thụ mới, bảo trì thường xuyên

(Nguồn: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của "Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi).

5.3. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

Trong quá trình hoạt động năm 2025, cơ sở luôn duy trì thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nên hoạt động của cơ sở luôn được đảm bảo an toàn, không xảy ra sự cố ngoài ý muốn.

6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Trong thời gian từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, Công ty không nhận được yêu cầu khắc phục của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường TP.HCM
- Lưu: VT, HC.

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔN PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

M.S.C.N: 0300419930-005 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Tấn Phúc

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG 1
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 5
1. Về công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải 5
1.1. Xử lý nước thải **5**
1.2. Kết quả quan trắc nước thải **9**
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải 11
2.1. Xử lý khí thải **11**
2.1.1. Công trình xử lý khí thải **11**
2.1.2. Lưu lượng khí thải phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất **14**
2.2. Kết quả quan trắc khí thải **14**
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường 15
4. Về quản lý chất thải nguy hại 16
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 17
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường **17**
5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường. **17**
5.3. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở **20**
6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) 20
MỤC LỤC 22
DANH MỤC BẢNG 23
DANH MỤC HÌNH 23
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 24
PHỤ LỤC 25

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Khối lượng sản phẩm của cơ sở 2
Bảng 1. 2 Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại cơ sở 2
Bảng 1. 3 Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở 2
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại cơ sở 3
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở 3
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở 4
Bảng 2.1. Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở 8
Bảng 2. 2 Kết quả quan trắc nước thải 9
Bảng 2.3. Kết quả quan trắc khí thải 14
Bảng 2.4. Thống kế chất thải rắn sinh hoạt năm 2025 15
Bảng 2.5. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2025 15
Bảng 2.6. Thống kê chất thải nguy hại năm 2025 16
Bảng 2. 7. Phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống xử lý khí thải 20

DANH MỤC HÌNH

Hình 2. 1 Quy trình công nghệ xử lý nước thải tại cơ sở 6
Hình 2. 2 Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi 13

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTP	:	Bán thành phẩm
CP	:	Cổ phần
TP. HCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	:	Ủy ban nhân dân
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
BOD_5	:	Nhu cầu oxy sinh học
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
N	:	Ni tơ
P	:	Photpho
TT	:	Thứ tự
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên môi trường
NO_X	:	Ni tơ oxit
SO_2	:	Lưu huỳnh dioxit
CO	:	Cacbon oxit
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRTT	:	Chất thải rắn thông thường
CTNH	:	Chất thải rắn nguy hại
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
TNMT	:	Tài nguyên môi trường
VT	:	Văn thư

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC 2: CƠ SỞ PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 3: CÁC HỢP ĐỒNG, HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

PHỤ LỤC 4: TÀI LIỆU KHÁC LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 1: PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.
Điện thoại: (0251).8822.789
Email: bachvietdongnai2021@gmail.com
VIMCERTS 045
VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0564-25-KT

Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2025

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY CPCN CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI.
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CPCN CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI.
3. **Địa chỉ** : Số 2/3, Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, TP.HCM.
4. **Ngày lấy mẫu** : 30/06/2025, trời nắng
5. **Loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
6. **Thời gian thử nghiệm** : 01/07/2025 - 08/07/2025
7. **Kết quả thử nghiệm** :

Bảng 1: Đầu ra ống thoát khí thải (300625-01 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT; cột B (Kv=0,6; Kp=1)
1.	Lưu lượng (1)	US EPA Method 02	m^3/h	7.271	<20.000
2.	Bụi tổng (1)	US EPA Method 05	mg/Nm^3	80,1	120
3.	CO (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	39	600
4.	NO_x (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	109	510
5.	SO_2 (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	38	300

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VÕ LÊ DUY KHÁNH

Scanned with CamScanner

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã số thuế: 3602407038 Điện thoại: (0251).8822.789
Email: bachvietdongnai2021@gmail.com
VIMCERTS 045
VILAS 821

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0950-25-KT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 11 năm 2025

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY CPCN CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI.
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CPCN CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI.
3. **Địa chỉ** : Số 2/3, Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình, Tp. Thủ Đức, TP.HCM
4. **Ngày lấy mẫu** : 21/11/2025, trời nắng
5. **Loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
6. **Thời gian thử nghiệm** : 21/11/2025 – 28/11/2025
7. **Kết quả thử nghiệm** :

Bảng 1: Đầu ra ống thoát khí thải (X=119 6776;Y=605 023) (211125-05 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT; cột B (Kv=0,6; Kp=1)
1.	Lưu lượng (1)	US EPA 02	m^3/h	8.122	<20.000
2.	Bụi tổng (1)	US EPA 05	mg/Nm^3	70,5	120
3.	CO (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	196	600
4.	NO_x (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	117	510
5.	SO_2 (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	2	300

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VÕ LÊ DUY KHÁNH

Scanned with CamScanner

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0000255.26
MSM: HCM.25.6581.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : **CN CÔNG TY TNHH XD DV MÔI TRƯỜNG NGUỒN SỐNG XANH**
Tên khách hàng : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI**
Địa điểm lấy mẫu : 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 25/12/2025
Ngày trả kết quả : 06/01/2026

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	Độ màu(#)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	31
2	pH(#)	-	TCVN 6492:2011	7,32
3	BOD_5 (20°C)(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	22
4	COD(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	48
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	22
6	Asen (As)(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,00097
7	Thủy ngân (Hg)(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030
8	Chì (Pb)(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,048
9	Cadimi (Cd)(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020
10	Crom VI (Cr^{6+})(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030
11	Cr^{3+}	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,0032
12	Đồng (Cu)(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030
13	Kẽm (Zn)(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,14
14	Niken (Ni)(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020
15	Mangan (Mn)(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030
16	Sắt (Fe)(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,41
17	Tổng dầu mỡ khoáng(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	4,8
18	Sunfua (S^{2-})(#)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023	< 0,040
19	Florua (F^-)(#)	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2023	0,82
20	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,47
21	Tổng Nito(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,0
22	Tổng Photpho (tính theo P)(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,53
23	Clo dư(#)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	< 0,03
24	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;*
- *NT01: Nước thải sau hệ thống xử lý tại hố ga cuối, tọa độ 10°49'27.8"N 106°42'40.0"E;*
- *(#): Thông số được chứng nhận Vilas;*
- *Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.*

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Lại Minh Tiến

PHỤ LỤC 2: CƠ SỞ PHÁP LÝ

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 0300419930-007

Đăng ký lần đầu, ngày 19 tháng 04 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 15 tháng 04 năm 2025

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: HUỲNH TẤN PHÚC Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *18/09/1973* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *082073009731*

Ngày cấp: *12/08/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *79/7D KP2, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *79/7D KP2, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Mã số doanh nghiệp: 0300419930

Địa chỉ trụ sở chính: 180 Nguyễn Thị Minh Khai , Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.
Số chứng thực: 03280 Quyển số 01.....SCT/BS
Ngày 2 tháng 7 năm 2025
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 2-QUẬN 5

Bùi Kiết Nguyệt Hà

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hồ Hoành Sơn

Scanned with CamScanner

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CP CN CAO SU MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 100 /QĐ-CSM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc luân chuyển và bổ nhiệm ông Huỳnh Tấn Phúc giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách XNCS Bình Lợi

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Bộ Luật Lao Động năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam;

Căn cứ Quy chế quản lý cán bộ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15-2023/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc nhất trí luân chuyển cán bộ quản lý Công ty;

Căn cứ đề xuất của phòng Nhân Sự Hành Chính – An toàn lao động Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Luân chuyển và bổ nhiệm có thời hạn ông Huỳnh Tấn Phúc
Sinh năm: 1973
Hiện là: Phó Giám đốc XN Lốp Radial
Giữ chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách XNCS Bình Lợi
Thời hạn: từ ngày 01/04/2025
Nhiệm vụ và quyền hạn: theo bản mô tả công việc.

Điều 2. Ông Huỳnh Tấn Phúc được hưởng:
Bậc lương: 4/4_PGĐ Mức lương: 16.418.000 đồng
Lương tháng: theo quy chế lương Công ty và quy định chia lương XNCS Bình Lợi.

Điều 3. Các Ông (Bà) Ban Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Công ty, Giám đốc các Xí nghiệp, ông Huỳnh Tấn Phúc và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Nguyễn Đình Khoát

Nơi nhận:
- Như điều 3 - 4b;
- HĐQT; BCH Đảng bộ;
- Lưu VT, NSHC-ATLĐ.

Fax: Phó GĐ PT
Lưu NSHC
1/4/25

Scanned with CamScanner

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Công nghiệp Cao su miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi.

1.2. Địa điểm hoạt động: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300419930-007 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 04 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 06 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0300419930-007.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất lốp ô tô (vành 20, vành 16) và ống cao su dân dụng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích đất là 29.000 m^2.

- Quy mô xây dựng:

+ Công trình chính và công trình phụ trợ: Hạng mục công trình phục vụ sản xuất (nhà văn phòng, khu vực sản xuất và nhà kho, nhà bảo vệ) 17.536 m^2. Diện tích đất cây xanh, giao thông, sân bãi 3.429 m^2.

+ Công trình bảo vệ môi trường: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, khu vực hệ thống xử lý nước thải và khu vực hệ thống xử lý khí thải 8.035 m^2.

- Quy mô: cơ sở đã đi vào hoạt động. Cơ sở đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Giấy xác nhận đăng ký bản Cam kết bảo vệ môi trường số 641/UBND-TNMT ngày 17 tháng 04 năm 2008.

- Công suất: sản xuất lốp ô tô 256.764 sản phẩm/năm (vành 20: 130.482 sản phẩm/năm và vành 16: 126.282 sản phẩm/năm) và Ống cao su dân dụng 100 tấn sản phẩm/năm .

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Công nghiệp Cao su miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, chất thải rắn, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết; thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Công nghiệp Cao su miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Công nghiệp Cao su miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản, ... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác có liên quan.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VP. UBND-HĐND TP.Thủ Đức;
- Đ/c Đỗ Anh Khang- PCT UBND TP TĐ (b/c);
- Trung tâm Hành chính công;
- Giám đốc Trung tâm HCC (b/c);
- Chi bộ TT Hành chính công (b/c);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Công nghiệp Cao su miền Nam – Xí nghiệp Cao su Bình Lợi;
- UBND phường Hiệp Bình Chánh;
- Lưu: VT, HN, 03b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG

Nguyễn Thị Kim Cúc

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13039/UBND-HCC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng phát sinh: 11,04 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động lau sàn văn phòng, lưu lượng phát sinh 3,2 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động nấu ăn, lưu lượng phát sinh 1,84 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 04: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lưu lượng phát sinh 7 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 05: Nước thải từ công đoạn rửa của quy trình sản xuất ống cao su dân dụng, lưu lượng phát sinh 0,7 m^3/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Sài Gòn thuộc phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xả thải vào hố ga cuối cùng trước khi thoát ra sông Sài Gòn thuộc phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tọa độ địa lý *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 605.451; Y(m): 1.196.935.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 65 m^3/ngày.đêm.

- Phương thức xả nước thải: Bơm; tự chảy ra cống chung.

- Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ) theo thời gian hoạt động của cơ sở.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q=1,1; K_f= 1,1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q=1,1; K_f= 1,1		
1	Màu	mg/l	150	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 6, Điều 111, Luật Bảo vệ môi trường 2020 khuyến khích doanh nghiệp thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của mình. Do đó Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc nước thải 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	pH	-	5,5 – 9		
3	BOD_5 (20°C)	mg/l	60,5		
4	COD	mg/l	181,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	121		
6	Asen	mg/l	0,121		
7	Thuỷ ngân	mg/l	0,0121		
8	Chì	mg/l	0,605		
9	Cadimi	mg/l	0,121		
10	Crom (VI)	mg/l	0,121		
11	Crom (III)	mg/l	1,21		
12	Đồng	mg/l	2,42		
13	Kẽm	mg/l	3,63		
14	Niken	mg/l	0,605		
15	Mangan	mg/l	1,21		
16	Sắt	mg/l	6,05		
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	12,1		
18	Sunfua	mg/l	0,605		
19	Florua	mg/l	12,1		
20	Amoni (tính theo N)	mg/l	12,1		
21	Tổng Nitơ	mg/l	48,4		
22	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	7,26		
23	Clo dư	mg/l	2,42		
24	Coliform	vi khuẩn/100 ml	5.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở, cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa:

- Nước mưa từ tầng mái được dẫn theo các máng thu nước chảy xuống mặt đất rồi chảy vào các hố ga xung quanh nhà xưởng, sau đó theo đường ống thoát nước mưa Ø300 ~ Ø450 chảy thoát ra hố ga thoát nước cuối của cơ sở sau đó tự chảy ra sông Sài Gòn.

1.1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải bao gồm tất cả các thiết bị thu gom (thiết bị vệ sinh), mạng lưới đường ống thu nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải từ nhà vệ sinh của công nhân viên sẽ được dẫn về bể tự hoại của cơ sở bằng đường ống PVC Ø60. Nước thải từ bể tự hoại dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống PVC D = 114 mm. Tổng chiều dài đường ống thu gom tính trên cả nhà xưởng là 400 m.

- Nước thải từ khu vực nấu ăn, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước thải từ công đoạn rửa của quy trình sản xuất ống cao su dân dụng, nước thải lau sàn văn phòng được dẫn về bể tách dầu mỡ bằng đường ống PVC Ø114. Tổng chiều dài đường ống thu gom là 400 m.

- Hố thu gom nước thải có kích thước DxRxC = 5.000 x 3.000 x 3.000 mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 65 m^3/ngày.đêm tại cơ sở để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K_q=1,1; K_f= 1,1; sau đó đấu nối vào hố ga cuối trước khi thoát ra sông Sài Gòn.

Quy trình hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (được xử lý quá bể tự hoại) và nước thải sản xuất → song chắn rác → bể tách dầu mỡ → bể điều hoà → thiết bị lắng 1 → thiết bị lọc sinh học Biofor – hiếu khí → thiết bị lắng 2 → thiết bị khử trùng → nguồn tiếp nhận.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên cử nhân viên thực hiện kiểm tra các ống dẫn, ống thu gom, các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải. Khi phát hiện thiết bị hỏng sẽ thay thế

hoặc sử dụng thiết bị dự phòng sẵn có.

- Trường hợp gặp sự cố mất điện thì Công ty sẽ tạm ngưng hoạt động sản xuất.

- Bố trí nhân viên có chuyên môn vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc trường hợp phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo điểm g và điểm h, khoản 1, điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13039 /UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt biomas (mùn cưa) vận hành 01 lò hơi công suất (6 tấn hơi/giờ).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải từ Nguồn số 01, tọa độ vị trí xả thải: X(m): 1.197.141,94; Y(m): 604.996,14.

(*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0*)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng khí thải lớn nhất 4.190 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói theo phương thức quạt hút cưỡng bức, xả gián đoạn (chỉ xả thải trong thời gian hoạt động mỗi ngày của nhà máy, 8 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp = 1, Kv = 0,6 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,6$)		
1	CO	mg/Nm^3	600	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 6, Điều 112, Luật Bảo vệ môi trường 2020 khuyến khích doanh nghiệp thực hiện quan trắc khí thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải của mình. Do đó Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc khí thải 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	SO_2	mg/Nm^3	300		
3	NO_x	mg/Nm^3	510		
4	Bụi	mg/Nm^3	120		
5	Lưu lượng	m^3/h	--		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải công suất 4.190 m^3/giờ và xả ra môi trường qua 01 ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: khí thải từ lò đốt → cyclon thu bụi → tháp hấp thụ → quạt hút ly tâm → ống khói tập trung → không khí sạch.
- Công suất thiết kế: 4.190 m^3/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải

tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị xử lý khí thải, theo dõi và lên kế hoạch cụ thể trong những trường hợp cần thiết với tần suất 6 tháng/lần.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục nếu các sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, xử lý khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải của Cơ sở.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc trường hợp phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo điểm g và điểm h, khoản 1, điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kv = 0,6 Kp = 1).

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13039 /UBND-HCC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 2: Khu vực sản xuất; tọa độ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau.

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung của nguồn số 1 *(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 1.197.139,48; Y(m): 604.996,15.

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung của nguồn số 2 *(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 1.197.201,71; Y(m): 605.047,29.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực sản xuất bố trí cách ly với khu vực văn phòng, khu vực văn phòng làm việc.
- Bố trí các máy móc, thiết bị hợp lý, đồng thời thường xuyên kiểm tra bảo trì, bôi trơn máy móc, thay mới các phụ tùng cũ, hư hỏng để đảm bảo không gây tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực lân cận.
- Công nhân lao động trực tiếp được trang bị bảo hộ lao động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động cơ sở, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

2.3. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13039 /UBND-HCC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)
1	Vật liệu và vật thể mà đã qua sử dụng (ba vớ,...)	07 03 10	Rắn	50
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	50
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	100
4	Pin, acquy thải	16 01 12	Rắn	50
5	Cặn dầu nhớt thải từ bảo trì máy móc thiết bị	17 02 03	Lỏng	400
6	Thùng phuy nhựa, bao bì dính chất thải nguy hại	18 01 01	Rắn	100
7	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải	18 02 01	Rắn	700
Tổng khối lượng phát sinh				**1.450**

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng ước tính khoảng 50.000 kg/năm bao gồm: các loại phế liệu, chi tiết máy thải, các loại bao bì thùng carton, giấy từ hoạt động văn phòng,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án với khối lượng ước tính khoảng 57,5 kg/ngày (1.725 kg/tháng) chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Cơ sở đã trang bị các thùng chứa dung tích 60 lít, cấu tạo bằng vật liệu nhựa HDPE, có dán nhãn phân loại được đặt tại khu vực riêng biệt.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 20 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường tôn, mái che kín nắng mưa, nền bê tông để chống thấm; xung quanh kho chứa CTNH. Khu vực lưu chứa có lắp đặt biển cảnh báo, có dán nhãn phân loại từng mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định. Kho chứa phân làm 7 khu vực có vách ngăn riêng biệt, có dán nhãn tên và mã chất thải nguy hại đặt tại phía sau xưởng sản xuất của cơ sở.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa bằng nhựa HDPE có dung tích chứa 25 lít; dung tích 120 lít và bao PP/PE.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 50 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường tôn, mái che kín nắng mưa, mặt sàn được bê tông, cao độ nền bảo đảm không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, thông gió và chiếu sáng tốt, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng rác dung tích 60 lít, 120 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 9 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Được bố trí tại khu vực riêng, nền bê tông, mái che, bên ngoài khu vực sẽ có dán nhãn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải và sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật và các nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố nêu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13039 /UBND-HCC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường được xác nhận tại Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 641/UBND – TNMT ngày 17/04/2008 do UBND Quận Thủ Đức cấp.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

1. Trong quá trình hoạt động, đề nghị chủ cơ sở thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và thu gom xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Chất thải rắn được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo quy định (chất thải rắn sinh hoạt, nguy hại).

2. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như nội dung đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và giấy phép môi trường đã được cấp; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết 31 tháng 12) gửi về cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Ủy Ban Nhân Dân
thành Phố Hồ Chí Minh

SỞ ĐỊA CHÍNH
***
Số 2033/HĐ-TĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 1997

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14/7/1993 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 của Chính phủ về tổ chức thực hiện một số việc cấp bách trong quản lý sử dụng đất đai đối với tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;
- Căn cứ quyết định số 4314/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/8/1997 của ủy ban nhân dân thành phố v/v cho các tổ chức thuộc địa bàn quận được thuê đất theo chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ tờ kê khai nộp tiền thuê mặt đất, mặt nước do Chi Cục thuế quận Thủ Đức duyệt ngày 15/3/1997.

1/ BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A):

Tên Cơ quan, Xí nghiệp : SỞ ĐỊA CHÍNH TP.HỒ CHÍ MINH
Người đại diện : Ông HUỲNH PHÚ SANG
Chức vụ : Giám đốc
Quốc tịch : Việt Nam
Trụ sở : 12 Phan Đăng Lưu, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8414811 - 8447847
Tài Khoản :

2/ BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B):

Tên đơn vị : XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI (CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM)
Người đại diện : ÔNG LÊ BÌNH THUẬN
Chức vụ : Giám đốc.
Quốc tịch : Việt Nam
Trụ sở : 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TPHCM
Điện Thoại : 8222122
Tài khoản : 710A.00023 Ngân hàng Công thương VN TPHCM

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1:

1.1- Bên A cho bên B thuê 29.000 m2 đất (hai mươi chín ngàn mét vuông) tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh do bên B đang sử dụng để tiếp tục làm cơ sở sản xuất cao su.

Diện tích khu đất thuê ghi trong hợp đồng này là theo diện tích đơn vị tự kê khai, chưa được đo đạc chính xác. Sau khi đo đạc, hợp đồng thuê đất sẽ được điều chỉnh lại theo diện tích chính xác.

1.2- Vị trí khu đất được thể hiện trên tờ khai sử dụng đất theo chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hiệp Bình Chánh, huyện Thủ Đức cũ ngày 17/9/1996.

1.3- Thời hạn thuê đất tạm thời là 5 năm kể từ ngày 01/01/1996. Thời gian thuê đất này sẽ được điều chỉnh lại sau khi công tác rà soát qui hoạch và nhu cầu sử dụng đất lâu dài của tổ chức được thực hiện.

Trong thời gian thuê đất này, nếu Nhà nước thực hiện qui hoạch tại khu đất nêu trên, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam phải chấp hành giải tỏa theo qui định.

1.4- Việc cho thuê đất không làm mất đi quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm dưới lòng đất.

Điều 2:

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải được cấp có thẩm quyền cấp phép xây dựng.

Điều 3:

3.1- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên B không được chuyển giao thửa đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam cho phép.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A bảo đảm quyền sử dụng đất của bên B, không chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ 3 khi chưa được bên B thỏa thuận.

3.2- Trường hợp bên B bị phân chia, sát nhập hoặc chuyển nhượng tài sản, hợp đồng cho tổ chức, cá nhân khác mà tạo nên pháp nhân mới thì chủ đầu tư mới phải làm lại thủ tục thuê đất. Thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại của

hợp đồng này, bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao khu đất thuê

3.3- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn, bên B phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho bên B trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B.

3.4- Hợp đồng thuê đất đương nhiện hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn thuê đất.

- Bên B bị phát mãi tài sản hoặc bị phá sản.

- Bên B bị thu hồi quyết định cho thuê đất hoặc Giấy phép hoạt động trước thời hạn.

Điều 4:

4.1- Giá tiền thuê đất là : 1,650 đồng/m2/năm (một ngàn sáu trăm năm mươi đồng trên một mét vuông một năm)

4.2- Số tiền thuê đất được trả theo phương thức: Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam sẽ trả tiền thuê đất theo định kỳ hàng năm.

Số tiền thuê đất phải nộp một năm là:

29.000 m2 x 1.650 đồng/m2 = 47.850.000 đồng

(Bốn mươi bảy triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng)

+ Lần đầu nộp 50% (23.925.000 đồng) trước ngày 30/6 hàng năm.

+ Lần sau nộp 50% (23.925.000 đồng) trước ngày 15/12 hàng năm.

Giá thuê đất được ổn định tối thiểu là 5 năm và được điều chỉnh trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh giá đất. Mức điều chỉnh mỗi lần không quá 15% theo giá trị hợp đồng thuê đất và chỉ điều chỉnh cho thời gian các kỳ thanh toán còn lại.

4.3- Tiền thuê đất được tính từ ngày : 01/01/1996.

4.4- Nơi nộp tiền thuê đất: Chi Cục thuế quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất này theo qui định của pháp luật.

Điều 6:

Tranh chấp giữa 2 bên trong quá trình thực hiện hợp đồng trước hết được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thể thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết.

Điều 7:

7.1- Bên A có trách nhiệm cung cấp các văn bản liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của bên B, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của bên thuê đất xây dựng trên khu đất thuê theo qui định của pháp luật.

7.2- Bên B có trách nhiệm thực hiện việc sử dụng đất đúng luật pháp Việt Nam và các qui định trong hợp đồng này.

Điều 8:

- Trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thay đổi mục đích sử dụng, diện tích sử dụng, giá thuê đất, các bên có trách nhiệm làm lại hợp đồng.

Điều 9:

9.1- Hợp đồng thuê đất này được ký ngày 14.. tháng .M. năm 1997 tại Sở Địa chính TP.Hồ Chí Minh và được lập thành 8 bản, mỗi bên giữ 2 bản ; gửi Sở Tài chính Thành phố, Cục thuế Thành phố, Kho bạc Nhà nước Thành phố và Chi Cục thuế quận Thủ Đức để thu tiền thuê đất.

9.2- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất là 1 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam có trách nhiệm liên hệ với Chi Cục thuế quận Thủ Đức để nộp tiền thuê đất theo qui định.

Ngày__ Tháng__ Năm 199

BÊN THUÊ ĐẤT	SAO Y BẢN CHÁNH	BÊN CHO THUÊ ĐẤT
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
LÊ BÌNH THUẬN		

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Thửa: 6

Tờ bản đồ số: 151 Phường: Hiệp Bình chánh Quận: Thủ Đức

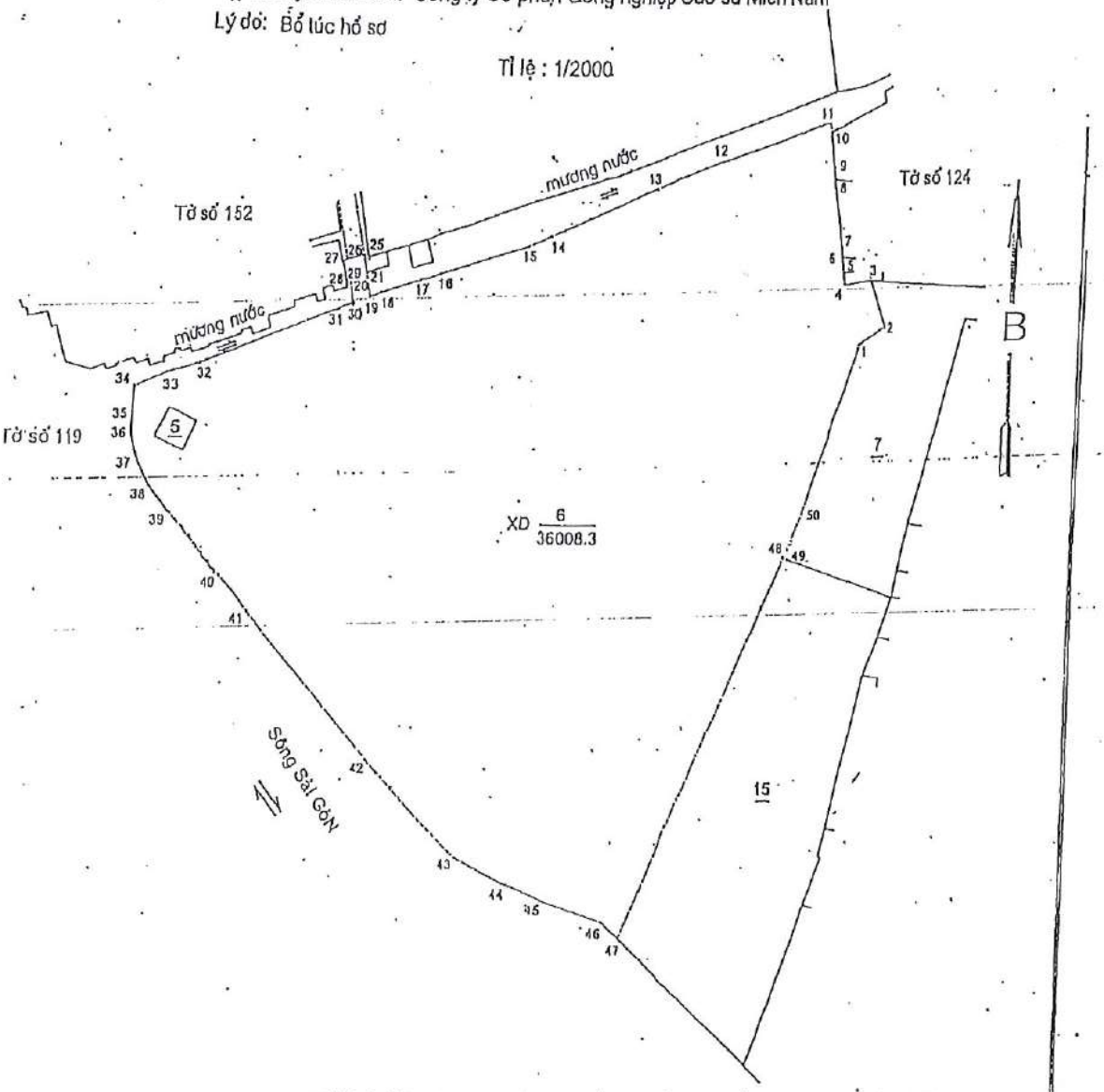
Địa chỉ: 3/2 Đường Kha Vạn Cân

Tên chủ sử dụng: Công ty CASUMINA

Lập theo yêu cầu của: Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Lý do: Bổ túc hồ sơ

Tỉ lệ : 1/2000



Ghi chú: - BĐĐC được lập vào thời điểm năm 2005 chưa thể hiện ranh quy hoạch lộ giới; chưa được tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trung tâm Thông tin Tài nguyên - Môi trường và Đăng ký Nhà đất

Số: 139.../TTDK-KT 22-05-2008

Ngày tháng năm 2008
Người thực hiện

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Ngày tháng năm 2008
TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THÔNG TIN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Thủy

liệt kê tọa độ góc ranh
in chi tiết trang sau)

PHỤ LỤC 3: CÁC HỢP ĐỒNG, HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số.: 85 /HĐ.MTĐT.GĐ-SH/25.1.V

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông Tư, các Văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-MTĐT-HĐTV về việc thành lập Chi nhánh Môi trường Đô thị Gia Định – Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Tp.HCM ngày 20 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Tp.HCM;
Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.
Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2024, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ : 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Tp Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại : 37266270 Fax: 37266320
Mã số thuế : 0300419930 - 007
Đại diện : Ông HUỲNH NGỌC VINH Chức vụ: Giám Đốc

Bên B : CHI NHÁNH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ GIA ĐỊNH - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ : 691 Quang Trung, Phường 8, quận Gò Vấp, Tp.HCM
Điện thoại : 028 3996 6834 Fax: 028 3996 8926
Mã số thuế : 0300438813-007
Số TK : 114 002 712 345
Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 09 – TpHCM
Đại diện : Ông LÊ NAM THANH Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh
(Căn cứ Giấy Ủy Quyền số 407/GUQ-MTĐT ngày 01/8/2023 của Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Tp.HCM)
Hai bên đồng ý và thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ - GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

1.1 Nội dung dịch vụ
Bên A đồng ý chỉ định Bên B là nhà thầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Tp Thủ Đức, Tp.HCM.
1.1.1 Thời gian lấy rác: Theo yêu cầu (Báo trước 01 ngày).
1.1.2 Phương tiện chứa rác: Xuồng $4m^3$.
1.1.3 Phương tiện vận chuyển: Xe xuồng $4m^3$ (Xe chuyên dùng ngành vệ sinh đô

Scanned with CamScanner

thị).

1.2 Giá trị hợp đồng:

STT	Nội dung	Số lượng (đvt/tháng)	Năm 2025	
			Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng/tháng)
1	Giá thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt	Theo thực tế (xuồng 4m³)	2.444.000	Theo thực tế
2	Giá thuê thùng xuồng 4m³	01 (xuồng 4m³)	1.000.000	1.000.000

Ghi chú:

- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT (theo qui định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn).*
- *Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*
- *Giá trị hợp đồng được tính dựa trên số lượng thực tế giao nhận. Tuy nhiên, tổng số lượng mỗi tháng dưới 01 xuồng 4m³ thì thanh toán là 01 xuồng 4m³ nhân với đơn giá trên.*
- *Nếu Bên A trả hoặc đặt thêm xuồng, thì hai bên làm biên bản xác nhận hoặc bàn giao. Và chi phí thuê xuồng được tính như sau: Số lượng thực tế/tháng x đơn giá trên.*

ĐIỀU 2: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có giá trị mười hai (12) tháng kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Cuối mỗi tháng Bên B sẽ xuất hóa đơn tài chính, Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 07 ngày bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng.

Phí dịch vụ hàng tháng sẽ do Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh xuất hóa đơn. Bên A thanh toán cho Bên B theo thông tin như sau:

Tên tài khoản : CHI NHÁNH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ GIA ĐỊNH - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Số TK : 114 002 712 345
Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 09 – TpHCM

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của bên A:

4.1.1 Chứa rác vào thùng chứa rác chuyên dụng chuẩn, thực hiện các quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ vào chung chất thải rắn sinh hoạt.

4.1.2 Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng để chung với chất thải rắn sinh hoạt, Bên B có quyền từ chối thu gom chất thải ngày hôm đó (hai bên lập biên bản sự việc), Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí

Scanned with CamScanner

thu gom, vận chuyển tương ứng với khối lượng một chuyến vận chuyển theo đơn giá trong hợp đồng.

4.1.3 Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận tiện cho xe lấy rác vào thu gom.

4.1.4 Thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đơn giá đã ký kết trong hợp đồng này.

4.1.5 Thực hiện đúng các quy định về tồn trữ chất thải rắn của thành phố.

4.1.6 Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng chất thải tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện xe máy. (Báo trước 01 ngày về số điện thoại: 028 3996 6834 – Chi nhánh MTĐT Gia Định). Bên A chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

4.2.1 Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải rắn sinh hoạt do Bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

4.2.2 Bên B từ chối thu gom hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu có các loại chất thải không có trong quy định của hợp đồng trộn lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt Bên A giao cho Bên B.

4.2.3 Trang bị hoặc thỏa thuận với Bên A để có các phương tiện chứa rác chuẩn.

4.2.4 Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh của Thành phố. Vận chuyển chất thải về Trạm trung chuyển – 691 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò vấp, Tp.HCM.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh hợp đồng:

5.1 Điều chỉnh đơn giá thu gom theo các quy định của UBNDTP hoặc các Sở ban ngành liên quan;

5.2 Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%); Thay đổi thời gian lấy rác; Thay đổi địa điểm lấy rác.

5.3 Hai bên báo trước cho nhau một ngày để bàn bạc ký lại hợp đồng hoặc ghi thêm phụ lục hợp đồng. Năm ngày sau thời gian này phải giải quyết xong hợp đồng đã điều chỉnh. Việc cung ứng dịch vụ thu gom vẫn thực hiện trong thời gian điều chỉnh hợp đồng.

5.4 Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện hợp đồng:

a. Bên A không trả tiền cung ứng dịch vụ theo nội dung hợp đồng.

b. Bên B cung ứng dịch vụ không đạt yêu cầu chất lượng, vi phạm các quy định của nhà nước trong quá trình thu gom.

c. Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.

5.5 Trường hợp có nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến tòa án để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Scanned with CamScanner

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

6.1 Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi và một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo cho bên kia biết trước 01 tháng.

6.2 Khi hợp đồng hết hạn và hai bên không có thoả thuận khác thì hợp đồng này sẽ tự động được thanh lý khi các bên hoàn tất nghĩa vụ theo hợp đồng.

6.3 Hợp đồng này được thành lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI	CHI NHÁNH MÔI TRƯỜNG CÔ THỊ GIA ĐỊNH - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG CÔ THỊ
GIÁM ĐỐC	LÊ THANH
Huỳnh Ngọc Vinh	

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số.: 339/PL.MTĐT.GĐ-SH/25.1.VX

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 83/HĐ.MTĐT.GĐ-SH/25.1.V ngày 26/12/2024 về việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được ký kết giữa Chi nhánh MTĐT Gia Định – Công Ty TNHH MTV Môi trường đô thị Tp.HCM và Xí nghiệp Cao su Bình Lợi.

Hôm nay, ngày 30 tháng 5 năm 2025, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Địa chỉ : 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Tp Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại : 37266270 Fax: 37266320
Mã số thuế : 0300419930-007
Đại diện : Ông HUỲNH TẤN PHÚC Chức vụ : Phó giám đốc phụ trách
(Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-CSM ngày 27/3/2025 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.

Bên B : CHI NHÁNH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ GIA ĐỊNH - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM

Địa chỉ : 691 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại : 028 3996 6834 Fax: 028 3996 8926
Mã số thuế : 0300438813-007
Số TK : 114 002 712 345
Ngân hàng : Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 09 - TPHCM
Đại diện : Ông LÊ NAM THANH Chức vụ: Giám đốc chi nhánh
(Căn cứ Giấy Ủy Quyền số 407/GUQ-MTĐT ngày 01/8/2023 của Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Tp.HCM)

Hai bên đồng ý và thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

Điều 1: Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.2 – Điều 1 của Hợp đồng

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Số lượng (đvt/tháng)	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng/tháng)
1	Giá thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH	Theo thực tế (xuồng 4m³ ≈ 04 tấn)	4.345.960	Theo thực tế
2	Giá thuê xuồng 4m³	01 (xuồng 4m³)	1.000.000	1.000.000

Ghi chú:

- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT (theo qui định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn).*
- *Đơn giá trên được tính Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định về giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*
- *Giá trị hợp đồng được tính dựa trên số lượng thực tế giao nhận. Tuy nhiên, tổng số lượng mỗi tháng dưới 01 xuồng 4m3 thì thanh toán là 01 xuồng 4m3 nhân với đơn giá trên.*
- *Nếu Qúy công ty trả hoặc đặt thêm xuồng, thì hai bên làm biên bản xác nhận hoặc bàn giao. Và chi phí thuê xuồng được tính như sau: Số lượng thực tế/tháng x đơn giá trên.*

Điều 2: Hiệu lực thi hành

Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2025 và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng chính.

Điều 3: Các điều khoản còn lại

Toàn bộ các điều khoản còn lại của Hợp đồng chính không bị sửa đổi bởi phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý và tiếp tục thực hiện đầy đủ.

Phụ lục này được thành lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Huỳnh Tấn Phúc	LÊ NAM THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
Số.: 371 /PL.MTĐT.GĐ-SH/25.1.VX

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 83/HĐ.MTĐT.GĐ-SH/25.1.V ngày 26/12/2024 và Phụ lục số: 339/PL.MTĐT.GĐ-SH/25.1.V ngày 30/5/2025 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được ký kết giữa Chi nhánh MTĐT Gia Định – Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp.HCM và Xí nghiệp Cao su Bình Lợi.

Hôm nay, ngày 01 tháng 7 năm 2025, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Địa chỉ : 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình, Tp.HCM
Điện thoại : 37266270 Fax: 37266320
Mã số thuế : 0300419930-007
Đại diện : Ông HUỲNH TẤN PHÚC Chức vụ : Phó giám đốc phụ trách
(Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-CSM ngày 27/3/2025 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.

Bên B : CHI NHÁNH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ GIA ĐỊNH - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM

Địa chỉ : 691 Quang Trung, phường Thông Tây Hội, TP.HCM
Điện thoại : 028 3996 6834 Fax: 028 3996 8926
Mã số thuế : 0300438813-007
Số TK : 114 002 712 345
Ngân hàng : Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 09 - TPHCM
Đại diện : Ông LÊ NAM THANH Chức vụ: Giám đốc chi nhánh
(Căn cứ Giấy Ủy Quyền số 407/GUQ-MTĐT ngày 01/8/2023 của Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Tp.HCM)

Hai bên đồng ý và thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung điều chỉnh như sau:

Điều 1: Thay đổi thông tin

1. **Thông tin thay đổi của Bên A:**
   Địa chỉ cũ: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Tp Thủ Đức, Tp.HCM
   Địa chỉ mới: 2/3 Kha Vạn Cân, phường hiệp bình, TPHCM

Scanned with CamScanner

2. **Thông tin thay đổi của Bên B:**

   Địa chỉ cũ: 691 Quang Trung, Phường 8, quận Gò Vấp, Tp.HCM

   Địa chỉ mới: 691 Quang Trung, phường Thông Tây Hội, Tp.HCM

Điều 2: Hiệu lực thi hành

Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng chính cũng như Phụ lục đã ký kết trước đó.

Điều 3: Điều khoản không thay đổi

Ngoài những nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này, toàn bộ các điều khoản khác trong Hợp đồng và Phụ lục liên quan vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Phụ lục này được thành lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Huỳnh Tấn Phúc	LÊ NAM THANH

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------*-------**

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại)

Số: .83.... /HĐVC/ TMP-KTP

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ Luật Thương mại hợp nhất năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2015;*
- *Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP;*
- *Căn cứ Thông tư 36/2015/TT-BTNMT;*
- *Căn cứ thỏa thuận giữa các bên*

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2024, các bên gồm có:

BÊN A : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI – **Gọi tắt là "BÊN THUÊ DỊCH VỤ"**

Địa chỉ : 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM

Mã số thuế : 0300419930-007

Điện thoại : (028)3726 6398 Fax:

Đại diện : **Ông Huỳnh Ngọc Vinh** Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TUẤN MINH PHÁT - Gọi tắt là "BÊN NHẬN DỊCH VỤ"

Địa chỉ : Số 503/5 Đường Lê Minh Nhựt, ấp Xóm Chùa, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi - TP Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0309521368

Đại diện : **MAI NGỌC TUẤN** Chức vụ: Giám Đốc

Scanned with CamScanner

Sau khi bàn bạc, hai bên đã thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển, thu gom, xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại, hợp đồng số ..... /HĐVC/ TMP-KTP với nội dung như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại cho Bên A theo yêu cầu của Bên A.

1.1. Thông tin hàng hóa thu gom, vận chuyển và xử lý:

- Loại hàng:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)
1	Giấy carton, giấy từ văn phòng,...	Kg	500.000đ/tấn
2	Rìa cao su từ quá trình cắt	Kg	1.000.000đ/tấn
3	Pallet, ván gỗ	Kg	500.000đ/tấn
4	Màng PE, can nhựa,...	Kg	500.000đ/tấn
5	Lốp ôtô, vải mành phế phẩm	Kg	1.000.000đ/tấn

Theo hợp đồng này, những công việc chính mà Bên B đảm nhận bao gồm:

- Thu gom rác thải của khu vực bên A yêu cầu.
- Vận chuyển rác thải tới địa điểm xử lý.
- Xử lý rác thải theo quy trình, công nghệ theo thỏa thuận và đúng quy định pháp luật.

1.2. Phương tiện vận chuyển:

- Phương tiện vận chuyển là xe Container, xe tải đủ điều kiện vận chuyển theo luật định, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp cân trọng lượng xe và hàng tại trạm cân theo yêu cầu Bên A.

- Bên B nhận rác thải công nghiệp không nguy hại của Bên A tại kho khách hàng do Bên A chỉ định địa điểm giao nhận cụ thể. Địa điểm giao nhận chi tiết như sau:

* **Địa điểm**: Xí nghiệp Cao su Bình Lợi

Địa chỉ: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

1.3. Phương thức xác định khối lượng thanh toán:

- Khối lượng rác thải công nghiệp không nguy hại vận chuyển bằng xe container hoặc xe tải sẽ được xác định dựa trên phiếu cân tại địa điểm nhận rác thải công nghiệp không nguy hại, có xác nhận của đại diện hai bên làm cơ sở chốt khối lượng và thanh toán.

Scanned with CamScanner

ĐIỀU 2. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có thời hạn trong vòng 02 năm, kể từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/10/2026

Thời gian thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải: kể từ ngày 01/11/2024.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Đơn giá:

- Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại theo thỏa thuận giữa hai bên.
- Giá dịch vụ Bên A phải thanh toán cho Bên B bao gồm phí dịch vụ chưa có thuế và tiền thuế GTGT theo luật thuế hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước.

3.2. Hồ sơ thanh toán bao gồm

- Biên bản giao nhận khối lượng được tổng hợp từ phiếu cân xe cụ thể cho từng lần thu gom, vận chuyển và xử lý. **Thời gian nghiệm thu khối lượng hàng tháng được thực hiện vào ngày cuối của tháng, là căn cứ xác định khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý trong tháng đó.**
- Bảng chi tiết công nợ.
- Hóa đơn GTGT.
- Giấy đề nghị thanh toán.

3.3. Thời hạn và phương thức thah toán:

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày Bên B phát hành hóa đơn GTGT và gửi hồ sơ thanh toán đầy đủ cho Bên A.
- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng cách chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng theo thông tin như sau:
  - Tên tài khoản : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TUẤN MINH PHÁT**
  - Số tài khoản : 75600459
  - Ngân hàng : Á Châu – PGD Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
- Bên A phải thanh toán chi phí đúng thời hạn và đầy đủ cho Bên B. Trường hợp Bên A chậm thanh toán theo thời hạn quy định tại hợp đồng, thì Bên A có nghĩa vụ phải trả khoản tiền phạt là 30% giá trị thanh toán cộng với tiền lãi trả chậm theo lãi suất của ngân hàng tín dụng cho các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại của Bên B tại thời điểm trả chậm tính trên số dư nợ đến hạn và trả chậm.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Bên A:

Scanned with CamScanner

- Trách nhiệm, quyền của Bên A:
    - Bố trí và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B hoàn thành tốt công việc tại kho;
    - Có trách nhiệm thông báo ít nhất 01 ngày về khối lượng dự kiến cho Bên B trước khi thực hiện công việc. Việc thông báo có thể bằng hình thức gửi Email, thông báo bằng tin nhắn hoặc gọi điện thoại;
    - Phối hợp với Bên B nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng;
    - Cử đại diện đối chiếu, xác nhận khối lượng thực hiện dịch vụ nhanh chóng, kịp thời dựa trên phiếu cân có xác nhận của các bên giao - nhận hàng hóa dịch vụ vào ngày 25 hàng tháng
- Nghĩa vụ của Bên A:
    - Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng;
    - Nghiệm thu công việc của Bên B;
    - Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện tốt công việc;
    - Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Trách nhiệm , quyền hạn và nghĩa vụ của Bên B:

- Trách nhiệm, quyền của Bên B:
    - Cung cấp đầy đủ thông tin về phương tiện vận chuyển và tài xế cho Bên A. Trong trường hợp bổ sung phương tiện hoặc tài xế mới Bên B phải thông báo cho Bên A ít nhất 01 ngày trước khi có thay đổi
    - Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải công nghiệp không nguy hại của Bên A theo đúng quy định pháp luật;
    - Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để hàng hoá hoặc rác thải công nghiệp rì ra môi trường sau khi thu gom ra khỏi kho của bên A;
    - Đảm bảo thu gom, vận chuyển theo đúng kế hoạch, thời gian mà Bên A đã thông báo cho Bên B. Mọi phát sinh trong việc chậm trễ thu gom, vận chuyển của Bên A (nếu có) sẽ do Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm.
    - Nhân viên Bên B khi vào Công Ty Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của bên A để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của bên A; nhân viên của bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải; có thái độ đúng mực, tuyệt đối không được có những hành vi vi phạm pháp luật. Nếu phát hiện vi phạm thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
    - Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng này.
    - Yêu cầu Bên A thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá trị hợp đồng theo Điều 3 của hợp đồng này

Scanned with CamScanner

- Có quyền áp dụng chế tài và đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định pháp luật và của hợp đồng này;
- Các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.

- Nghĩa vụ của Bên B:
  - Thực hiện công việc theo đúng quy trình và tiến độ thỏa thuận trong hợp đồng;
  - Kê khai và thanh toán các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến hợp đồng này;
  - Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, cơ sở, máy móc, phương tiện và trang thiết bị, được nêu trong hợp đồng này;
  - Chịu trách nhiệm toàn bộ về quy trình và chất lượng xử lý rác thải;
  - Tự chịu trách nhiệm về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có liên quan;
  - Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 5. ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG

5.1. Các trường hợp điều chỉnh hợp đồng:

Các trường hợp được điều chỉnh giá trị hợp đồng bao gồm:

– Nội dung, khối lượng công việc phát sinh hợp lý không phải do lỗi của đơn vị cung ứng dịch vụ gây ra, được bên thuê dịch vụ chấp thuận;

– Định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá được nhà nước/địa phương điều chỉnh, sửa đổi, ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị của hợp đồng và được cơ quan có thẩm quyền/người có thẩm quyền cho phép điều chỉnh.

– Thay đổi khác dẫn đến tăng/giảm chi phí hoạt động để cung cấp dịch vụ của Bên B như:

+ Thay đổi về luật và/hoặc văn bản pháp luật của Việt Nam trong tương lai dẫn đến Bên B phải nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp để tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt hơn, dẫn đến làm tăng các khoản chi phí hoạt động của Bên B;

+ Giá nhiên liệu hoặc tiền lương, giá vật tư, thiết bị do Nhà nước kiểm soát nêu trong hợp đồng có biến động lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền/người có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương và nguyên tắc điều chỉnh;

+ Lạm phát/giảm phát.

5.2. Thực hiện điều chỉnh hợp đồng:

Thủ tục điều chỉnh giá trị hợp đồng bao gồm:

– Trường hợp có điều chỉnh giá trị hợp đồng, Bên B phải gửi báo giá điều chỉnh và lập phụ lục hợp đồng trình bên A; Bên A có trách nhiệm xem xét, điều chỉnh (nếu có) và thực hiện các thủ tục phê duyệt báo giá, phụ lục hợp đồng điều chỉnh theo quy định.

Scanned with CamScanner

– Việc điều chỉnh giá trị hợp đồng được thực hiện theo đúng các hướng dẫn, quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 6. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Điều kiện chấm dứt hợp đồng:

Một trong hai bên không thực hiện hay vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng; hoặc không sửa chữa hoặc khắc phục việc không thực hiện hay vi phạm đó trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của bên còn lại.

6.2. Thủ tục thực hiện:

Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải gửi thông báo bằng văn bản trước 60 ngày cho bên kia.

6.3. Các trách nhiệm pháp lý:

– Bên A vẫn có nghĩa vụ phải thanh toán tất cả các khoản tiền thanh toán còn nợ cho Bên B.

– Bên vi phạm bị phạt 100% giá trị hợp đồng và phải bồi thường thiệt hại (nếu có);

ĐIỀU 7. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

7.1. Các trường hợp bất khả kháng bao gồm các hành động, sự kiện hoặc hoàn cảnh ngoài sự kiểm soát của các bên có liên quan khiến cho một bên không có khả năng thực hiện hay chậm trễ trong việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng, ví dụ như:

– Chiến tranh (được báo trước hoặc xảy ra bất ngờ), hành động khủng bố, tụ tập phá rối trật tự công cộng, đình công.

– Sự phá hủy quan trọng của tổ chức hoặc trang thiết bị của bất kỳ bên cung cấp nào, thiếu nhiên liệu.

– Thiên tai bao gồm các nguyên nhân phát sinh từ tai họa tự nhiên như động đất, núi lửa phun, lụt, mưa bão trong đó lượng mưa lớn *(tùy điều kiện khu vực)* trong 1 giờ đồng hồ và các thiên tai bất thường khác.

– Hỏa hoạn.

– Các trường hợp khác (*nếu có*).

7.2. Cách thức giải quyết trong trường hợp bất khả kháng như sau:

– Bên không có khả năng thực hiện hay chậm trễ trong việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng do trường hợp bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng 7 ngày về sự việc xảy ra. Bên B sẽ không được chi trả cho các dịch vụ không được thực hiện do các

Scanned with CamScanner

ảnh hưởng bất khả kháng, và không được xem là vi phạm hoặc không thực hiện hợp đồng này vì nguyên nhân không thực hiện được.

– Hai bên cùng có trách nhiệm thảo luận để thực hiện việc xử lý rác thải trong trường hợp bất khả kháng xảy ra.

ĐIỀU 8: CAM KẾT CÁC BÊN

Thực hiện đúng theo hợp đồng, nếu có vướng mắc phải cùng nhau thảo luận, thông tin sẽ được trao đổi bằng văn bản.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, hợp đồng sẽ tự thanh lý khi 2 bên hoàn tất các điều khoản trong hợp đồng .
- Những tranh chấp, phát sinh sẽ được giải quyết bằng thương lượng theo tinh thần thiện chí và hợp tác giữa hai bên. Nếu không thương lượng được, hai bên sẽ nhờ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau và mỗi bên giữ hai bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN ĐẠI B
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Huỳnh Ngọc Vinh	Mai Ngọc Tuấn

Scanned with CamScanner

CS BL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/HĐKT/KTP-DLG/2024

V/v Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp thông thường

- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường hiệu lực từ ngày 10/01/2022;*
- *Căn cứ vào khả năng, năng lực và nhu cầu lợi ích kinh tế của hai bên.*

Hôm nay, ngày 05 tháng 01 năm 2024 chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC

- Đại diện: **Ông NGUYỄN VY** Chức vụ: Giám đốc;
- Địa chỉ: D11A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Mã số thuế: 3601048121

Bên B: CÔNG TY TNHH DALIGO

- Đại diện: **Bà NGUYỄN THỊ LINH** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số F18, khu phố 4, Phường Tân Phong, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Mã số thuế: 3603942711

Hai bên đã cùng nhau bàn bạc và thống nhất ký kết hợp đồng với những nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung và thời hạn hợp đồng.

Bên A giao cho bên B thu gom, vận chuyển xử lý chất thải công nghiệp, trong quá trình sản xuất của Bên A.

Điều 2: Điều kiện giao nhận, thời gian, địa điểm nhận chất thải.

2.1 Điều kiện giao nhận

Bên B sẽ tiếp nhận rác thải tại kho chứa chất thải công nghiệp của bên A theo yêu cầu của bên A

- Chất thải công nghiệp được phân loại theo từng chủng loại và tập trung tại kho cố định của Bên A. Rác thải công nghiệp không được lẫn vào rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp.

- Chất thải công nghiệp phải được chứa trong bao bì, hoặc đóng rắn.

2.2 Thời gian, địa điểm tiếp nhận chất thải.

- Thời gian tiếp nhận chất thải công nghiệp sau 2 ngày khi bên B nhận được thông báo của Bên A (thông báo bằng điện thoại, email)

1. Địa chỉ thu gom : Xí nghiệp Casumina Hóc Môn, Địa chỉ : Khu phố 2, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM

Địa chỉ thu gom : Xí Nghiệp Cao su Bình Lợi , Địa chỉ : 2/3 Kha Vạn Cân , Phường Hiệp Chánh , Thành Phố Thủ Đức , Thành Phố Hồ Chí Minh ,

Địa điểm xử lý: Tại nhà máy xử lý rác thải của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC. Địa chỉ: xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai , Việt Nam.

Điều 3: Số lượng, chi phí xử lý và danh mục chất thải

3.1 ***Số lượng chất thải giao nhận:*** Đúng khối lượng hàng *(danh sách đính kèm)* được xác nhận bằng biên bản giao nhận có chữ ký của các bên. Khối lượng hàng đều được quy đổi bằng kilogam.

3.2 ***Chi phí xử lý:*** Danh mục và đơn giá xử lý

Số TT	Danh mục xử lý	Khối lượng dự kiến (Kg/lần)	Phương pháp xử lý
1	Tro, than, xỉ thải từ hệ thống lò hơi không nhiễm thành phần nguy hại	5000	Đóng rắn hoặc chuyển giao đúng quy định

Đơn giá xử lý: Căn cứ vào khối lượng dự kiến chuyển giao, đơn giá xử lý sẽ được thỏa thuận và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán :

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong thời gian 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- Hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.
- Tên tài khoản: Công Ty TNHH DALIGO
- Số tài khoản : 2525 22 9999 – Ngân Hàng MB Bank – CN Bình Thạnh

Điều 4: Trách nhiệm của hai bên

1. Trách nhiệm bên A:

- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc lô hàng là của bên A trong mọi trường hợp và phân loại theo từng loại riêng biệt: bao bì, dán nhãn…
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu lô hàng hủy là tang, vật chứng, hay đang trong quá trình điều tra tranh chấp của bất cứ đơn vị, tổ chức thứ 3 nào.
- Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có bất kỳ sự thay đổi nào như: tên Công ty, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho bên B biết. Nếu không, mọi sai sót về sau bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của bên B thực hiện Hợp đồng.
- Thanh toán phí thu gom và xử lý cho bên B đúng hạn theo quy định tại Điều 3.2 của Hợp đồng.

2. Trách nhiệm bên B:

- Thu gom, chuyển giao đơn vị xử lý chất thải the
o đúng quy trình, quy định của pháp luật hiện hành.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để hàng hóa hoặc chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi thu gom ra khỏi kho của bên A.
- Không lấy chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng.
- Nhân viên Bên B khi vào Công Ty Bên A phải có thái độ đúng mực, tuyệt đối không được có những hành vi vi phạm pháp luật. Nếu phát hiện vi phạm thì Bên B phải chịu các hình thức xử phạt mà không có điều kiện nào.

- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, TpHCM.
- Thông tin liên lạc:

Người liên hệ bên A: Chị Dung – 0988276838

Người liên hệ bên B:

Bộ phận hoá đơn, chứng từ: Chị Thuỷ – 0902310874

Bộ phận hợp đồng: Anh Nguyên – 0384567789

Bộ phận thu gom: Anh Đạt – 0907277010

1.2 Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý:

- Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại: Xe chuyên dùng (do Bên B vận chuyển).
- Địa điểm xử lý: Nhà máy xử lý chất thải nguy hại tại Dông Thạnh trực thuộc Công Ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Danh sách các loại chất thải nguy hại cần xử lý và đơn giá:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/đvt)	Điều kiện lưu chứa	Phương pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	160106	Kg	54.000	Thùng carton	Phá huỷ và chôn lấp có kiểm soát trong hầm chôn lấp
2	Pin, ắcquy thải	Rắn	160112	Kg	27.000	Bao PE	Tiêu huỷ trong lò đốt, tro xỉ phát sinh được đưa vào hầm chôn lấp hoặc chuyển giao làm nguyên liệu cho nhà máy xi măng
3	Vật liệu và vật thể mà đã qua sử dụng (ba vớ, ...)	Rắn	070310	Kg	10.800	Bao PE	
4	Hộp mực in thải	Rắn	080204	Kg	10.800	Bao PE	
5	Cặn dầu nhớt thải từ bảo trì máy móc thiết bị	Lỏng	170203	Kg	10.800	Can nhựa hoặc thùng phuy	
	Thùng phuy nhựa	Rắn	180103	Kg	10.800	Bao PE	
6	Bao bì dính chất thải nguy hại	Rắn	180101	Kg	10.800	Bao PE	
7	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải	Rắn	180201	Kg	10.800	Bao PE	

Ghi chú:

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT (theo qui định của Nhà nước tại thời điểm

Scanned with CamScanner

xuất hóa đơn).

- Mã CTNH được ký hiệu theo hướng dẫn của Thông tư về quản lý CTNH hiện hành TT-BTNMT.

- Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển.

- Chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa CTNH theo đúng hướng dẫn của Thông tư về quản lý CTNH hiện hành TT-BTNMT.

2.2 Giá trị hợp đồng = Chi phí xử lý (1) + Chi phí vận chuyển (2)

Trong đó:

(1) Chi phí xử lý từng loại CTNH = Khối lượng thực tế x Đơn giá xử lý tại Mục 2.1

(2) Chi phí vận chuyển: Số chuyến thực tế x 3.240.000 đồng/chuyến

Ghi chú:

- Giá trị hợp đồng được tính dựa trên khối lượng thực tế giao nhận. Tuy nhiên, tổng khối lượng mỗi đợt thu gom dưới 350 kg thì phải thanh toán giá trị khoán là 8.640.000 đồng/lần thu gom.

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT (theo qui định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn).

- Mã CTNH được ký hiệu theo hướng dẫn của Thông tư về quản lý CTNH hiện hành TT-BTNMT.

- Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển. Chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa CTNH theo đúng hướng dẫn của Thông tư về quản lý CTNH hiện hành TT-BTNMT.

2.3 Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

- **Phương thức nghiệm thu:**

- Sau mỗi đợt chuyển giao khối lượng CTNH cụ thể, hai bên lập biên bản đối chiếu xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện vào Biên bản giao nhận CTNH. Trên cơ sở đó tính toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

- Bên B lập hồ sơ thanh toán gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán (hoặc biên bản nghiệm thu).

+ Hóa đơn VAT (mức thuế VAT sẽ được xác định tại thời điểm xuất hóa đơn).

- **Phương thức thanh toán:**

- Bên A phải đóng tạm ứng phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH cho bên B ngay sau khi ký kết hợp đồng với số tiền là 8.640.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Số tiền tạm ứng này sẽ được hoàn trả lại cho bên A sau khi hợp đồng hết hiệu lực. Trường hợp sau khi hết hiệu lực hợp đồng, bên A vẫn chưa bàn giao chất thải nguy hại cho bên B thu gom thì số tiền bên A tạm ứng này sẽ không được hoàn trả lại và bên B sẽ phát hành hóa đơn với số tiền bằng với số tiền tạm ứng đã nhận từ bên A là 8.640.000 đồng (Đã bao gồm thuế VAT).

- Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

- Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số 3100005651 – Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN TPHCM.

- Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Bên A chịu phí khi chuyển khoản và ghi đầy đủ nội dung chuyển khoản theo cú pháp như sau: "Công Ty … thanh toán Hợp đồng số … (hoặc hóa đơn số) … Về việc …

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của bên A

Scanned with CamScanner

3.1.1 Bên A phải cung cấp bản sao Sổ chủ nguồn thải, chứng từ QLCTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.

3.1.2 Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).

3.1.3 Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của bên B.

3.1.4 Thông báo cho Bên B biết trước trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí phát sinh (nếu có) do Bên A chịu.

3.1.5 Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung hợp đồng đã ký.

3.1.6 Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.

3.1.7 Bên A phải giao đúng khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.

3.1.8 Bàn giao CTNH đúng thời hạn theo hợp đồng. Thời điểm cuối cùng bên A chuyển giao CTNH phải trước 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng để hai bên có đủ thời gian hoàn thiện giấy tờ pháp lý liên quan.

3.1.9 Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.

3.1.10 Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo Điều 2.

3.1.11 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng.

3.2 Trách nhiệm của bên B

3.2.1 Bên B phải ký chứng từ CTNH, biên bản giao nhận CTNH trên mỗi chuyến.

3.2.2 Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.

3.2.3 Bên B phải vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.

3.2.4 Bên B sẽ thu gom CTNH của Bên A được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của Bên B.

3.2.5 Bên B đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.6 Trong vòng 06 tháng sau khi nhận chất thải phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý. Nếu bên A vi phạm điều khoản thanh toán, hoặc gửi chứng từ trễ (chứng từ đã ký tên, đóng dấu) thì thời gian trả chứng từ sẽ cộng thêm tương ứng với thời gian bên A chậm thanh toán/ gửi chứng từ trễ.

3.2.7 Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (trong vòng 48h).

3.2.8 Bên B từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu

Scanned with CamScanner

Bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.

3.2.9 Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.

3.2.10 Có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo Điều 2.

3.2.11 Bên B sẽ không hoàn trả số tiền bên A thanh toán trước (nếu có) nếu bên A vi phạm và hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.

3.2.12 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng.

ĐIỀU 4: GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH

4.1 Đối với Bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng chất thải nguy hại tăng quá nhiều cần phải báo ngay cho Bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyến để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 01 ngày về số điện thoại liên lạc tại Mục 1.1 của Điều 1).

4.2 Đối với Bên B, trong trường hợp máy móc gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho Bên A và tìm biện pháp giải quyết kịp thời không để CTNH ứ đọng làm vệ sinh, môi trường trong khu vực của Bên A.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

5.2 Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau: Nếu các bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản và Bên đề nghị chấm dứt hợp đồng trước hạn phải gửi văn bản cho bên còn lại trước một (01) tháng. Trong trường hợp này Bên không vi phạm có quyền đơn gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

6.1 Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

6.2 Trường hợp không đạt thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của Nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

7.1 Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: dịch bệnh, động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được; hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.

7.2 Khi một bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:

- Bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp của sự gián đoạn hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ; và
- Bên bị gặp phải sự kiện bất khả kháng đã nỗ lực để thực hiện nghĩa vụ của mình và giảm thiểu thiệt hại gây ra cho Bên kia bởi sự kiện bất khả kháng; và

7.3 Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

Scanned with CamScanner

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1 Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của hợp đồng. Bất cứ sự thay đổi nào với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự đồng ý và ký kết giữa hai bên và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

8.2 Hợp đồng có hiệu lực theo thời gian thực hiện dịch vụ được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này. Trường hợp hết thời gian thực hiện dịch vụ được quy định tại Điều 5 hợp đồng này nhưng hai Bên chưa hoàn thành quyền và nghĩa vụ trong việc nghiệm thu thanh toán, hiệu lực hợp đồng được tự động gia hạn cho đến khi hai Bên hoàn thành nghiệm thu thanh toán hợp đồng.

8.3 Hợp đồng này tự động thanh lý sau khi hai Bên đã hoàn thành tất cả các quyền và nghĩa vụ hợp đồng.

8.4 Hợp đồng này được thành lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Mỗi bên giữ ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau.

8.5 Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	PHÓ GIÁM ĐỐC
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC	Nguyễn Tăng Hải
Huỳnh Ngọc Vinh	

Scanned with CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
SỐ: 1514 - 2025/220/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM — GPMT: 220/GPMT-BTNMT
   Địa chỉ văn phòng: 42 – 44 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM — ĐT: 02838291975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM — GPMT: 220/GPMT-BTNMT
   Địa chỉ văn phòng: 42 – 44 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM — ĐT: 02838291975
   Địa chỉ cơ sở : Trạm Xử Lý CTNH TPHCM, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM — ĐT:02838208666

3. Chủ nguồn thải: CN CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI — Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):
   Địa chỉ văn phòng: 2/3 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM — ĐT:37266270
   Địa chỉ cơ sở : — ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý, (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in thải	x			080204	—	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang	x			160106	21.	PH-HR-CL
3	Pin, ắc quy thải	x			160112	—	PD-TĐ-CL
4	Cặn dầu nhớt thải từ bảo trì máy móc , thiết bị		x		170203	16.	TĐ
5	Thùng phuy nhựa bao bì dính chất thải nguy hại	x			180101	54.	TĐ
6	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải	x			180201	73.	TĐ
7	Vật liệu và vật thể đã qua sử dụng (ba vớ,...)	x			070310	—	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu: ..... Cảng nhập khẩu: .....
   Số phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cảng xuất khẩu: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 51C-70650

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1/ CN MTĐT Gia Định: Thái Võ Minh Đạt — Ký tên: ..... Ngày: 04/04/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 2: Phùng Văn Cường — Ký tên: ..... Ngày: 04-04-2025

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
   Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2025
   CN CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
   Huỳnh Tấn Phúc

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
   Tp. Hồ Chí Minh, ngày ___ tháng ___ năm ___ 20-05-2025
   KT. GIÁM ĐỐC CÔNG TY
   GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
   Trần Quốc Hưng

@ Liên: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú: .....
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 01/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)
01		11		21	
02		12		22	
03	1	13		23	
04		14		24	
05		15		25	1
06		16		26	
07		17		27	
08		18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	1	Cộng	0	31	
				Cộng	1
Tổng cộng		2	xuồng 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 03 tháng 02 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 02/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)
01		10		19	
02		11		20	
03		12		21	
04		13		22	
05		14		23	
06		15		24	
07		16		25	
08		17		26	
09		18		27	
Cộng	0	Cộng	0	28	1
				Cộng	1
Tổng cộng		1	xuồng 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số: 03/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)
01		11		21	
02		12		22	
03		13		23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16		26	
07		17		27	1
08		18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	0	Cộng	0	31	
				Cộng	1
Tổng cộng		1	xuống 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm.....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

HỒ CHÍ MINH

Số: 05/2025

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số: 04/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)
01		11		21	1
02		12		22	
03		13		23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16		26	
07		17		27	
08		18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	0	Cộng	0	31	
				Cộng	1
Tổng cộng		1	xuống 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 05/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)
01		11	1	21	
02		12		22	
03		13		23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16		26	
07		17		27	
08		18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	0	Cộng	1	31	
				Cộng	0
Tổng cộng		1	xuồng 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 06/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)
01		11		21	
02		12		22	
03	1	13		23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16		26	1
07		17		27	
08		18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	1	Cộng	0	Cộng	1
Tổng cộng		2	xuồng 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 07/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, TP.HCM

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)
01		11		21	
02		12		22	
03		13	1	23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16		26	1
07		17		27	
08		18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	0	Cộng	1	Cộng	1
Tổng cộng		2	xuồng 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm.... Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	Tp.HCM, ngày 31 tháng 07 năm 2025 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 08/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, TP.HCM

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)
01		11		21	
02		12		22	
03		13		23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16		26	1
07		17		27	
08	1	18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	1	Cộng	0	Cộng	1
Tổng cộng		2	xuồng 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm.... Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	Tp.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2025 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 09/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, TP.HCM

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)
01		11		21	
02		12		22	
03		13		23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16	1	26	
07		17		27	
08		18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	0	Cộng	1	Cộng	0
Tổng cộng		1	xuống 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 01 tháng 10 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 10/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, TP.HCM

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuống 4m³)
01	1	11		21	
02		12		22	
03		13		23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16		26	
07		17		27	
08		18		28	
09		19		29	
10		20	1	30	
Cộng	1	Cộng	1	31	
				Cộng	0
Tổng cộng		2	xuống 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 03 tháng 11 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Số: 11/2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI**
Địa chỉ cơ sở: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, TP.HCM

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH MTĐT GIA ĐỊNH – CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP.HCM ĐT: 028 38208666
Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)	Ngày	CTRSH chuyển giao (Xuồng 4m³)
01		11		21	
02	1	12		22	
03		13		23	
04		14		24	
05		15		25	
06		16		26	1
07		17		27	
08		18		28	
09		19		29	
10		20		30	
Cộng	1	Cộng	0		
				Cộng	1
Tổng cộng		2	xuồng 4m³		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm....
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tp.HCM, ngày 01 tháng 12 năm 2025
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ GIA ĐỊNH - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN THỤ

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC 4: TÀI LIỆU KHÁC LIÊN QUAN

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm Kinh doanh VNPT TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông. MST: 0106869738 - 003. Điện thoại: 18001260

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
KÝ HIỆU: 1K24TTD
SỐ: 02649508

THÁNG: 12/2024 TỪ NGÀY: 06/11/2024 ĐẾN NGÀY: 06/12/2024

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH CHANH, THANH PHO THU DUC, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM

SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713
MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4
CHỈ SỐ MỚI: 88793 CHỈ SỐ CŨ: 85138 TIÊU THỤ (m^3): 3655

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
3.655	12.100	44.225.500
Cộng tiền nước:		44.225.500
Thuế suất 5% GTGT:		2.211.275
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (15%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		46.436.775

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 10 tháng 12 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 10/12/2024 14:17:56

18430974

Scanned with CamScanner

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm Kinh doanh VNPT TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông. MST: 0106869738 - 003. Điện thoại: 18001260

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
KÝ HIỆU: 1K25TTD
SỐ: 00060243

THÁNG: 01/2025 TỪ NGÀY: 06/12/2024 ĐẾN NGÀY: 07/01/2025

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH CHANH, THANH PHO THU DUC, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM

SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713
MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4
CHỈ SỐ MỚI: 92496 CHỈ SỐ CŨ: 88793 TIÊU THỤ (m^3): 3703

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
694	12.100	8.397.400
3.009	12.100	36.408.900
Cộng tiền nước:		44.806.300
Thuế suất 5% GTGT:		2.240.315
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		47.046.615

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm mười lăm đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 09 tháng 01 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 09/01/2025 14:47:39

00441151

Scanned with CamScanner

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm Kinh doanh VNPT TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - MST: 0106869738 - 003, Điện thoại: 1800126

THUDUC WATER

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
KÝ HIỆU: 1K25TTD
SỐ: 00297671

THÁNG: 02/2025 TỪ NGÀY: 07/01/2025 ĐẾN NGÀY: 06/02/2025

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH CHANH, THANH PHO THU DUC, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM
SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713
MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4
CHỈ SỐ MỚI: 94709 CHỈ SỐ CŨ: 92496 TIÊU THỤ (m^3): 2213

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
2.213	12.100	26.777.300
Cộng tiền nước:		26.777.300
Thuế suất 5% GTGT:		1.338.865
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		28.116.165

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu một trăm mười sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 10 tháng 02 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 10/02/2025 16:32:53

02028110

Scanned with CamScanner

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm Kinh doanh VNPT TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - MST: 0106869738 - 003, Điện thoại: 1800126

THUDUC WATER

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
KÝ HIỆU: 1K25TTD
SỐ: 00535401

THÁNG: 03/2025 TỪ NGÀY: 06/02/2025 ĐẾN NGÀY: 06/03/2025

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH CHANH, THANH PHO THU DUC, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM
SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713
MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4
CHỈ SỐ MỚI: 98481 CHỈ SỐ CŨ: 94709 TIÊU THỤ (m^3): 3772

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
3.772	12.100	45.641.200
Cộng tiền nước:		45.641.200
Thuế suất 5% GTGT:		2.282.060
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		47.923.260

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 10 tháng 03 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 10/03/2025 16:27:07

03731801

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
KÝ HIỆU: 1K25TTD
SỐ: 00773387

THÁNG: 04/2025 TỪ NGÀY: 06/03/2025 ĐẾN NGÀY: 04/04/2025

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH CHANH, THANH PHO THU DUC, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM
SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713
MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4
CHỈ SỐ MỚI: 102455 CHỈ SỐ CŨ: 98481 TIÊU THỤ (m^3): 3974

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
3,974	12.100	48.085.400
Cộng tiền nước:		48.085.400
Thuế suất 5% GTGT:		2.404.270
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		50.489.670

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 09 tháng 04 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 09/04/2025 13:37:35

05251869

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
KÝ HIỆU: 1K25TTD
SỐ: 01011653

THÁNG: 05/2025 TỪ NGÀY: 04/04/2025 ĐẾN NGÀY: 06/05/2025

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH CHANH, THANH PHO THU DUC, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM
SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713
MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4
CHỈ SỐ MỚI: 106169 CHỈ SỐ CŨ: 102455 TIÊU THỤ (m^3): 3714

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
3.714	12.100	44.939.400
Cộng tiền nước:		44.939.400
Thuế suất 5% GTGT:		2.246.970
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		47.186.370

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 08 tháng 05 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 08/05/2025 12:21:33

06875582

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC) KÝ HIỆU: 1K25TTD SỐ: 01238528

THÁNG: 06/2025 TỪ NGÀY: 06/05/2025 ĐẾN NGÀY: 06/06/2025

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH CHANH, THANH PHO THU DUC, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM
SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713
MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4
CHỈ SỐ MỚI: 110341 CHỈ SỐ CŨ: 106169 TIÊU THỤ (m^3): 4172

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
4.172	12.100	50.481.200
Cộng tiền nước:		50.481.200
Thuế suất 5% GTGT:		2.524.060
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		53.005.260

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi ba triệu không trăm lẻ năm nghìn hai trăm sáu mươi đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 10 tháng 06 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 10/06/2025 13:29:15

08639483

Khai thuế rồi

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC) KÝ HIỆU: 1K25TTD SỐ: 01477496

THÁNG: 07/2025 TỪ NGÀY: 06/06/2025 ĐẾN NGÀY: 07/07/2025

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH CHANH, THANH PHO THU DUC, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM
SỐ ĐỊNH DANH: MÃ ĐVQHNS:
SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713
MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4
CHỈ SỐ MỚI: 114828 CHỈ SỐ CŨ: 110341 TIÊU THỤ (m^3): 4487

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
4.487	12.100	54.292.700
Cộng tiền nước:		54.292.700
Thuế suất 5% GTGT:		2.714.635
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		57.007.335

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy triệu không trăm lẻ bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 09 tháng 07 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 09/07/2025 13:19:04

10249619

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

ĐC: 08 Không Tử, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241

MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

KÝ HIỆU: 1K25TTD

SỐ 01716985

THÁNG: 08/2025 TỪ NGÀY: 07/07/2025 ĐẾN NGÀY: 07/08/2025

KHÁCH HÀNG: CTY CPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)

ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM

SỐ ĐỊNH DANH: MÃ ĐVQHNS:

SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 SHĐ: TD0309713

MLT: TD0420500100 MGB: 32 ĐMKH: 0 MTT: 4

CHỈ SỐ MỚI: 119683 CHỈ SỐ CŨ: 114828 TIÊU THỤ (m^3): 4855

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
4.855	12.100	58.745.500
Cộng tiền nước:		58.745.500
Thuế suất 5% GTGT:		2.937.275
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		61.682.775

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 12 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 12/08/2025 08:46:00

12041014

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 08 Không Tử, Phường Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: 19001012
Website: www.thuducwater.vn

GIẤY BÁO TIỀN NƯỚC THÁNG 8/2025
(Lần 1)

Danh bộ: 1606201 0005

Từ ngày: 07/07/2025 đến ngày: 08/08/2025

Kính: CTY CPCN CAO SUCN CS BINH LOI)
Đ/c: 2/3, KHA VAN CAN,KP3
Điện thoại: 84903393104
GB: 32 DM: 0 CODE: 40
CS.CU: 119683 CS.MỚI: 124991 T.Thụ: 5308m3

Tiền nước: 64.226.800 vnđ
Thuế: 3.211.340 vnđ
Phí BVMT: 0 vnđ
Tiền DVTN&XLNT: 0 vnđ
Thuế DVTN&XLNT: 0 vnđ
Tổng cộng: 67.438.140 vnđ

13.033.542

Nhân viên: NGUYỄN NGỌC ÂN
SĐT: 0908625979
Ngày giờ giấy báo: 08/09/2025 07:20

Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01/06/2021 của UBND TP.HCM

Quý khách vui lòng:
- Thanh toán tiền nước kể từ ngày 13/09/2025
- Kiểm tra lại số điện thoại trên phiếu báo, nếu có thay đổi liên hệ số 19001012 để cập nhật

Cảm ơn đã sử dụng dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC - CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

...HU DUC
ĐC: 08 Khổng Tử, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

KÝ HIỆU: 1K25TTD
SỐ: 02196956

THÁNG: 10/2025 TỪ NGÀY: 08/09/2025 ĐẾN NGÀY: 09/10/2025

...ÁCH HÀNG: CTYCPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
...CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM
...ĐỊNH DANH:
...: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 MÃ ĐVQHNS:
...: TD0420S00100 MGB: 32 SHĐ: TD0309713
...SỐ MỚI: 3433 CHỈ SỐ CŨ: ĐMKH: 0 MTT: 82
TIÊU THỤ (m^3): 5647

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
5.647	12.100	68.328.700
...ền nước:		68.328.700
...suất 5% GTGT:		3.416.435
...bảo vệ môi trường (10%)		
...dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
...dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
...dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
...suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
...suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
...cộng tiền thanh toán:		71.745.135

...ền viết bằng chữ: Bảy mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm ba mươi lăm đồng chẵn

...chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số ...2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 13 tháng 10 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 13/10/2025 15:40:43

5411159

Scanned with CamScanner

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm ... - Chi nhánh Tổng Công ty ... - MST: ... Điện thoại: ...

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
ĐC: 08 Khổng Tử, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: 19001012, Fax: (028) 3896 0241
MÃ SỐ THUẾ: 0304803601

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

KÝ HIỆU: 1K25TTD
SỐ: 02454385

THÁNG: 11/2025 TỪ NGÀY: 09/10/2025 ĐẾN NGÀY: 10/11/2025

KHÁCH HÀNG: CTYCPCN CAO SU(XN CS BINH LOI)
ĐỊA CHỈ: 2/3 KHA VAN CAN,KP3, PHUONG HIEP BINH, THANH PHO HO CHI MINH, VIET NAM
SỔ ĐỊNH DANH:
SDB: 1606 201 0005 MÃ SỐ THUẾ: 0300419930 MÃ ĐVQHNS:
MLT: TD0420S00100 MGB: 32 BHĐ: TD0309713
CHỈ SỐ MỚI: 7984 CHỈ SỐ CŨ: 3433 ĐMKH: 0 MTT: 4
TIÊU THỤ (m^3): 4551

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ (m^3)	ĐƠN GIÁ (đ/m^3)	TIỀN NƯỚC (đ)
4.551	12.100	55.067.100
Cộng tiền nước:		55.067.100
Thuế suất 5% GTGT:		2.753.355
Phí bảo vệ môi trường (10%)		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (20%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (25%):		
Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (30%):		
Thuế suất 08% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Thuế suất 10% GTGT của Tiền DVTN&XLNT:		
Tổng cộng tiền thanh toán:		57.820.455

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng chẵn

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND TP.HCM

Ngày 12 tháng 11 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Ký ngày: 12/11/2025 13:47:40

17081953

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 12 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /12/ 2025	3564	3580	16		Nguyễn Trọng Long
2 /12/ 2025	3580	3596	16		Nguyễn Trọng Long
3 /12/ 2025	3596	3612	16		Nguyễn Trọng Long
4 /12/ 2025	3612	3628	16		Nguyễn Trọng Long
5 /12/ 2025	3628	3643	15		Nguyễn Trọng Long
6 /12/ 2025	3643	3659	16		Nguyễn Trọng Long
7 /12/ 2025	3659	3659		CN	
8 /12/ 2025	3659	3674	15		Nguyễn Trọng Long
9 /12/ 2025	3674	3690	16		Nguyễn Trọng Long
10 /12/ 2025	3690	3706	16		Nguyễn Trọng Long
11 /12/ 2025	3706	3722	16		Nguyễn Trọng Long
12 /12/ 2025	3722	3737	15		Nguyễn Trọng Long
13 /12/ 2025	3737	3753	16		Nguyễn Trọng Long
14 /12/ 2025	3753	3753		CN	
15 /12/ 2025	3753	3768	15		Nguyễn Trọng Long
16 /12/ 2025	3768	3784	16		Nguyễn Trọng Long
17 /12/ 2025	3784	3800	16		Nguyễn Trọng Long
18 /12/ 2025	3800	3816	16		Nguyễn Trọng Long
19 /12/ 2025	3816	3832	16		Nguyễn Trọng Long
20 /12/ 2025	3832	3848	16		Nguyễn Trọng Long
21 /12/ 2025	3848	3848		CN	
22 /12/ 2025	3848	3863	15		Nguyễn Trọng Long
23 /12/ 2025	3863	3879	16		Nguyễn Trọng Long
24 /12/ 2025	3879	3894	15		Nguyễn Trọng Long
25 /12/ 2025	3894	3909	15		Nguyễn Trọng Long
26 /12/ 2025	3909	3925	16		Nguyễn Trọng Long
27 /12/ 2025	3925	3941	16		Nguyễn Trọng Long
28 /12/ 2025	3941	3941		CN	
29 /12/ 2025	3941	3956	15		Nguyễn Trọng Long
30 /12/ 2025	3956	3971	15		Nguyễn Trọng Long
31 /12/ 2025	3971	3986	15		Nguyễn Trọng Long
Cộng			422		

Số ngày làm việc: 26 Bình quân ngày: 16.23

Max = 16 Min 15

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 11 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /11/ 2025	2911	2938	27		Nguyễn Trọng Long
2 /11/ 2025	2938	2938		CN	
3 /11/ 2025	2938	2965	27		Nguyễn Trọng Long
4 /11/ 2025	2965	2991	26		Nguyễn Trọng Long
5 /11/ 2025	2991	3016	25		Nguyễn Trọng Long
6 /11/ 2025	3016	3042	26		Nguyễn Trọng Long
7 /11/ 2025	3042	3067	25		Nguyễn Trọng Long
8 /11/ 2025	3067	3094	27		Nguyễn Trọng Long
9 /11/ 2025	3094	3094		CN	
10 /11/ 2025	3094	3120	26		Nguyễn Trọng Long
11 /11/ 2025	3120	3147	27		Nguyễn Trọng Long
12 /11/ 2025	3147	3173	26		Nguyễn Trọng Long
13 /11/ 2025	3173	3200	27		Nguyễn Trọng Long
14 /11/ 2025	3200	3225	25		Nguyễn Trọng Long
15 /11/ 2025	3225	3252	27		Nguyễn Trọng Long
16 /11/ 2025	3252	3252		CN	
17 /11/ 2025	3252	3278	26		Nguyễn Trọng Long
18 /11/ 2025	3278	3303	25		Nguyễn Trọng Long
19 /11/ 2025	3303	3330	27		Nguyễn Trọng Long
20 /11/ 2025	3330	3357	27		Nguyễn Trọng Long
21 /11/ 2025	3357	3382	25		Nguyễn Trọng Long
22 /11/ 2025	3382	3409	27		Nguyễn Trọng Long
23 /11/ 2025	3409	3409		CN	
24 /11/ 2025	3409	3435	26		Nguyễn Trọng Long
25 /11/ 2025	3435	3460	25		Nguyễn Trọng Long
26 /11/ 2025	3460	3486	26		Nguyễn Trọng Long
27 /11/ 2025	3486	3513	27		Nguyễn Trọng Long
28 /11/ 2025	3513	3537	24		Nguyễn Trọng Long
29 /11/ 2025	3537	3564	27		Nguyễn Trọng Long
30 /11/ 2025	3564	3564		CN	
Cộng			653		

Số ngày làm việc: 25 Bình quân ngày: 26,12

Max = 27 Min 24

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 10 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /10/ 2025	2242	2267	25		Nguyễn Trọng Long
2 /10/ 2025	2267	2291	24		Nguyễn Trọng Long
3 /10/ 2025	2291	2315	24		Nguyễn Trọng Long
4 /10/ 2025	2315	2341	26		Nguyễn Trọng Long
5 /10/ 2025	2341	2341		CN	
6 /10/ 2025	2341	2365	24		Nguyễn Trọng Long
7 /10/ 2025	2365	2390	25		Nguyễn Trọng Long
8 /10/ 2025	2390	2416	26		Nguyễn Trọng Long
9 /10/ 2025	2416	2440	24		Nguyễn Trọng Long
10 /10/ 2025	2440	2466	26		Nguyễn Trọng Long
11 /10/ 2025	2466	2492	26		Nguyễn Trọng Long
12 /10/ 2025	2492	2492		CN	
13 /10/ 2025	2492	2516	24		Nguyễn Trọng Long
14 /10/ 2025	2516	2541	25		Nguyễn Trọng Long
15 /10/ 2025	2541	2566	25		Nguyễn Trọng Long
16 /10/ 2025	2566	2590	24		Nguyễn Trọng Long
17 /10/ 2025	2590	2615	25		Nguyễn Trọng Long
18 /10/ 2025	2615	2639	24		Nguyễn Trọng Long
19 /10/ 2025	2639	2639		CN	
20 /10/ 2025	2639	2663	24		Nguyễn Trọng Long
21 /10/ 2025	2663	2688	25		Nguyễn Trọng Long
22 /10/ 2025	2688	2712	24		Nguyễn Trọng Long
23 /10/ 2025	2712	2737	25		Nguyễn Trọng Long
24 /10/ 2025	2737	2761	24		Nguyễn Trọng Long
25 /10/ 2025	2761	2787	26		Nguyễn Trọng Long
26 /10/ 2025	2787	2787		CN	
27 /10/ 2025	2787	2812	25		Nguyễn Trọng Long
28 /10/ 2025	2812	2836	24		Nguyễn Trọng Long
29 /10/ 2025	2836	2860	24		Nguyễn Trọng Long
30 /10/ 2025	2860	2885	25		Nguyễn Trọng Long
31 /10/ 2025	2885	2911	26		Nguyễn Trọng Long
Cộng			669		

Số ngày làm việc: 26 Bình quân ngày: 25,73

Max = 26 Min 24

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 09 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /09/ 2025	1689	1709	20		Nguyễn Trọng Long
2 /09/ 2025	1709	1729	20		Nguyễn Trọng Long
3 /09/ 2025	1729	1729		CN	
4 /09/ 2025	1729	1749	20		Nguyễn Trọng Long
5 /09/ 2025	1749	1768	19		Nguyễn Trọng Long
6 /09/ 2025	1768	1788	20		Nguyễn Trọng Long
7 /09/ 2025	1788	1808	20		Nguyễn Trọng Long
8 /09/ 2025	1808	1827	19		Nguyễn Trọng Long
9 /09/ 2025	1827	1847	20		Nguyễn Trọng Long
10 /09/ 2025	1847	1847		CN	
11 /09/ 2025	1847	1867	20		Nguyễn Trọng Long
12 /09/ 2025	1867	1886	19		Nguyễn Trọng Long
13 /09/ 2025	1886	1906	20		Nguyễn Trọng Long
14 /09/ 2025	1906	1926	20		Nguyễn Trọng Long
15 /09/ 2025	1926	1946	20		Nguyễn Trọng Long
16 /09/ 2025	1946	1966	20		Nguyễn Trọng Long
17 /09/ 2025	1966	1985	19		Nguyễn Trọng Long
18 /09/ 2025	1985	2004	19		Nguyễn Trọng Long
19 /09/ 2025	2004	2024	20		Nguyễn Trọng Long
20 /09/ 2025	2024	2043	19		Nguyễn Trọng Long
21 /09/ 2025	2043	2063	20		Nguyễn Trọng Long
22 /09/ 2025	2063	2083	20		Nguyễn Trọng Long
23 /09/ 2025	2083	2103	20		Nguyễn Trọng Long
24 /09/ 2025	2103	2123	20		Nguyễn Trọng Long
25 /09/ 2025	2123	2142	19		Nguyễn Trọng Long
26 /09/ 2025	2142	2162	20		Nguyễn Trọng Long
27 /09/ 2025	2162	2182	20		Nguyễn Trọng Long
28 /09/ 2025	2182	2202	20		Nguyễn Trọng Long
29 /09/ 2025	2202	2222	20		Nguyễn Trọng Long
30 /09/ 2025	2222	2242	20		Nguyễn Trọng Long
Cộng			553		

Số ngày làm việc: 28 Bình quân ngày: 19,75

Max = 20 Min 19

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 08 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /08/ 2025	1177	1197	20		Nguyễn Trọng Long
2 /08/ 2025	1197	1217	20		Nguyễn Trọng Long
3 /08/ 2025	1217	1217		CN	
4 /08/ 2025	1217	1237	20		Nguyễn Trọng Long
5 /08/ 2025	1237	1256	19		Nguyễn Trọng Long
6 /08/ 2025	1256	1276	20		Nguyễn Trọng Long
7 /08/ 2025	1276	1296	20		Nguyễn Trọng Long
8 /08/ 2025	1296	1315	19		Nguyễn Trọng Long
9 /08/ 2025	1315	1335	20		Nguyễn Trọng Long
10 /08/ 2025	1335	1335		CN	
11 /08/ 2025	1335	1355	20		Nguyễn Trọng Long
12 /08/ 2025	1355	1374	19		Nguyễn Trọng Long
13 /08/ 2025	1374	1394	20		Nguyễn Trọng Long
14 /08/ 2025	1394	1414	20		Nguyễn Trọng Long
15 /08/ 2025	1414	1433	19		Nguyễn Trọng Long
16 /08/ 2025	1433	1453	20		Nguyễn Trọng Long
17 /08/ 2025	1453	1453		CN	
18 /08/ 2025	1453	1472	19		Nguyễn Trọng Long
19 /08/ 2025	1472	1492	20		Nguyễn Trọng Long
20 /08/ 2025	1492	1511	19		Nguyễn Trọng Long
21 /08/ 2025	1511	1531	20		Nguyễn Trọng Long
22 /08/ 2025	1531	1551	20		Nguyễn Trọng Long
23 /08/ 2025	1551	1571	20		Nguyễn Trọng Long
24 /08/ 2025	1571	1571		CN	
25 /08/ 2025	1571	1590	19		Nguyễn Trọng Long
26 /08/ 2025	1590	1610	20		Nguyễn Trọng Long
27 /08/ 2025	1610	1630	20		Nguyễn Trọng Long
28 /08/ 2025	1630	1650	20		Nguyễn Trọng Long
29 /08/ 2025	1650	1669	19		Nguyễn Trọng Long
30 /08/ 2025	1669	1689	20		Nguyễn Trọng Long
31 /08/ 2025	1689	1689		CN	
Cộng			512		

Số ngày làm việc: 26 Bình quân ngày: 19,69

Max = 20 Min 19

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 07 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /07/ 2025	812	826	14		
2 /07/ 2025	826	839	13		Nguyễn Trọng Long
3 /07/ 2025	839	852	13		Nguyễn Trọng Long
4 /07/ 2025	852	866	14		Nguyễn Trọng Long
5 /07/ 2025	866	880	14		Nguyễn Trọng Long
6 /07/ 2025	880	880		CN	
7 /07/ 2025	880	893	13		Nguyễn Trọng Long
8 /07/ 2025	893	906	13		Nguyễn Trọng Long
9 /07/ 2025	906	920	14		Nguyễn Trọng Long
10 /07/ 2025	920	934	14		Nguyễn Trọng Long
11 /07/ 2025	934	947	13		Nguyễn Trọng Long
12 /07/ 2025	947	961	14		Nguyễn Trọng Long
13 /07/ 2025	961	961		CN	
14 /07/ 2025	961	974	13		Nguyễn Trọng Long
15 /07/ 2025	974	988	14		Nguyễn Trọng Long
16 /07/ 2025	988	1002	14		Nguyễn Trọng Long
17 /07/ 2025	1002	1015	13		Nguyễn Trọng Long
18 /07/ 2025	1015	1028	13		Nguyễn Trọng Long
19 /07/ 2025	1028	1042	14		Nguyễn Trọng Long
20 /07/ 2025	1042	1042		CN	
21 /07/ 2025	1042	1055	13		Nguyễn Trọng Long
22 /07/ 2025	1055	1069	14		Nguyễn Trọng Long
23 /07/ 2025	1069	1083	14		Nguyễn Trọng Long
24 /07/ 2025	1083	1096	13		Nguyễn Trọng Long
25 /07/ 2025	1096	1109	13		Nguyễn Trọng Long
26 /07/ 2025	1109	1123	14		Nguyễn Trọng Long
27 /07/ 2025	1123	1123		CN	
28 /07/ 2025	1123	1136	13		Nguyễn Trọng Long
29 /07/ 2025	1136	1150	14		Nguyễn Trọng Long
30 /07/ 2025	1150	1163	13		Nguyễn Trọng Long
31 /07/ 2025	1163	1177	14		Nguyễn Trọng Long
Cộng			365		

Số ngày làm việc: 26 Bình quân ngày: 14,04

Max = 14 Min 13

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 06 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /06/ 2025	383	383		CN	
2 /06/ 2025	383	400	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
3 /06/ 2025	400	417	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
4 /06/ 2025	417	435	18	1 ông	Nguyễn Trọng Long
5 /06/ 2025	435	452	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
6 /06/ 2025	452	470	18	1 ông	Nguyễn Trọng Long
7 /06/ 2025	470	487	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
8 /06/ 2025	487	487		CN	
9 /06/ 2025	487	503	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
10 /06/ 2025	503	520	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
11 /06/ 2025	520	537	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
12 /06/ 2025	537	555	18	1 ông	Nguyễn Trọng Long
13 /06/ 2025	555	572	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
14 /06/ 2025	572	588	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
15 /06/ 2025	588	588		CN	
16 /06/ 2025	588	605	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
17 /06/ 2025	605	622	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
18 /06/ 2025	622	639	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
19 /06/ 2025	639	657	18	1 ông	Nguyễn Trọng Long
20 /06/ 2025	657	674	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
21 /06/ 2025	674	690	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
22 /06/ 2025	690	690		CN	
23 /06/ 2025	690	708	18	1 ông	Nguyễn Trọng Long
24 /06/ 2025	708	724	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
25 /06/ 2025	724	742	18	1 ông	Nguyễn Trọng Long
26 /06/ 2025	742	759	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
27 /06/ 2025	759	776	17	1 ông	Nguyễn Trọng Long
28 /06/ 2025	776	794	18	1 ông	Nguyễn Trọng Long
29 /06/ 2025	794	794		CN	
30 /06/ 2025	794	812	18	1 ông	Nguyễn Trọng Long
Cộng			429		

Số ngày làm việc: 25 Bình quân ngày: 17,16

Max = 18 Min 16

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 05 NĂM 2025
Thay đồng hồ mới từ ngày 01/05/2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /05/ 2025	0	0		Nghỉ lễ	
2 /05/ 2025	0	14	14	1 ông	Nguyễn Trọng Long
3 /05/ 2025	14	29	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
4 /05/ 2025	29	29		CN	
5 /05/ 2025	29	44	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
6 /05/ 2025	44	59	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
7 /05/ 2025	59	75	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
8 /05/ 2025	75	90	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
9 /05/ 2025	90	105	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
10 /05/ 2025	105	121	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
11 /05/ 2025	121	121		CN	
12 /05/ 2025	121	136	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
13 /05/ 2025	136	151	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
14 /05/ 2025	151	166	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
15 /05/ 2025	166	182	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
16 /05/ 2025	182	197	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
17 /05/ 2025	197	213	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
18 /05/ 2025	213	213		CN	
19 /05/ 2025	213	228	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
20 /05/ 2025	228	244	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
21 /05/ 2025	244	259	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
22 /05/ 2025	259	275	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
23 /05/ 2025	275	290	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
24 /05/ 2025	290	306	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
25 /05/ 2025	306	306		CN	
26 /05/ 2025	306	321	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
27 /05/ 2025	321	336	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
28 /05/ 2025	336	352	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
29 /05/ 2025	352	367	15	1 ông	Nguyễn Trọng Long
30 /05/ 2025	367	383	16	1 ông	Nguyễn Trọng Long
Cộng			383		

Số ngày làm việc: 25 Bình quân ngày: 15,32

Max = 16 Min 14

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 04 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /04/ 2025	556	568	12		Nguyễn Trọng Long
2 /04/ 2025	568	578	10		Nguyễn Trọng Long
3 /04/ 2025	578	589	11		Nguyễn Trọng Long
4 /04/ 2025	589	601	12		Nguyễn Trọng Long
5 /04/ 2025	601	614	13		Nguyễn Trọng Long
6 /04/ 2025	614	614		CN	
7 /04/ 2025	614	624	10		Nguyễn Trọng Long
8 /04/ 2025	624	636	12		Nguyễn Trọng Long
9 /04/ 2025	636	647	11		Nguyễn Trọng Long
10 /04/ 2025	647	658	11		Nguyễn Trọng Long
11 /04/ 2025	658	669	11		Nguyễn Trọng Long
12 /04/ 2025	669	681	12		Nguyễn Trọng Long
13 /04/ 2025	681	681		CN	
14 /04/ 2025	681	692	11		Nguyễn Trọng Long
15 /04/ 2025	692	704	12		Nguyễn Trọng Long
16 /04/ 2025	704	714	10		Nguyễn Trọng Long
17 /04/ 2025	714	726	12		Nguyễn Trọng Long
18 /04/ 2025	726	738	12		Nguyễn Trọng Long
19 /04/ 2025	738	751	13		Nguyễn Trọng Long
20 /04/ 2025	751	751		CN	
21 /04/ 2025	751	761	10		Nguyễn Trọng Long
22 /04/ 2025	761	773	12		Nguyễn Trọng Long
23 /04/ 2025	773	785	12		Nguyễn Trọng Long
24 /04/ 2025	785	796	11		Nguyễn Trọng Long
25 /04/ 2025	796	807	11		Nguyễn Trọng Long
26 /04/ 2025	807	820	13		Nguyễn Trọng Long
27 /04/ 2025	820	820		CN	
28 /04/ 2025	820	831	11		Nguyễn Trọng Long
29 /04/ 2025	831	843	12		Nguyễn Trọng Long
30 /04/ 2025	843	843		Nghỉ lễ	
Cộng			287		

Số ngày làm việc: 25 Bình quân ngày: 11,48

Max = 13 Min 10

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 03 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /03/ 2025	246	259	13		Nguyễn Trọng Long
2 /03/ 2025	259	259		CN	
3 /03/ 2025	259	270	11		Nguyễn Trọng Long
4 /03/ 2025	270	282	12		Nguyễn Trọng Long
5 /03/ 2025	282	293	11		Nguyễn Trọng Long
6 /03/ 2025	293	305	12		Nguyễn Trọng Long
7 /03/ 2025	305	318	13		Nguyễn Trọng Long
8 /03/ 2025	318	331	13		Nguyễn Trọng Long
9 /03/ 2025	331	331		CN	
10 /03/ 2025	331	341	10		Nguyễn Trọng Long
11 /03/ 2025	341	352	11		Nguyễn Trọng Long
12 /03/ 2025	352	364	12		Nguyễn Trọng Long
13 /03/ 2025	364	376	12		Nguyễn Trọng Long
14 /03/ 2025	376	389	13		Nguyễn Trọng Long
15 /03/ 2025	389	402	13		Nguyễn Trọng Long
16 /03/ 2025	402	402		CN	
17 /03/ 2025	402	412	10		Nguyễn Trọng Long
18 /03/ 2025	412	423	11		Nguyễn Trọng Long
19 /03/ 2025	423	436	13		Nguyễn Trọng Long
20 /03/ 2025	436	448	12		Nguyễn Trọng Long
21 /03/ 2025	448	460	12		Nguyễn Trọng Long
22 /03/ 2025	460	473	13		Nguyễn Trọng Long
23 /03/ 2025	473	473		CN	
24 /03/ 2025	473	484	11		Nguyễn Trọng Long
25 /03/ 2025	484	496	12		Nguyễn Trọng Long
26 /03/ 2025	496	509	13		Nguyễn Trọng Long
27 /03/ 2025	509	522	13		Nguyễn Trọng Long
28 /03/ 2025	522	533	11		Nguyễn Trọng Long
29 /03/ 2025	533	546	13		Nguyễn Trọng Long
30 /03/ 2025	546	546		CN	
31 /03/ 2025	546	556	10		Nguyễn Trọng Long
Cộng			310		

Số ngày làm việc: 26 Bình quân ngày: 11,92

Max = 13 Min 10

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 02 NĂM 2025

Thay đồng hồ mới từ ngày 01/02/2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /02/ 2025	0	0		Nghỉ tết	
2 /02/ 2025	0	0		CN	
3 /02/ 2025	0	9	9		Nguyễn Trọng Long
4 /02/ 2025	9	20	11		Nguyễn Trọng Long
5 /02/ 2025	20	30	10		Nguyễn Trọng Long
6 /02/ 2025	30	42	12		Nguyễn Trọng Long
7 /02/ 2025	42	53	11		Nguyễn Trọng Long
8 /02/ 2025	53	65	12		Nguyễn Trọng Long
9 /02/ 2025	65	65		CN	
10 /02/ 2025	65	74	9		Nguyễn Trọng Long
11 /02/ 2025	74	84	10		Nguyễn Trọng Long
12 /02/ 2025	84	94	10		Nguyễn Trọng Long
13 /02/ 2025	94	103	9		Nguyễn Trọng Long
14 /02/ 2025	103	113	10		Nguyễn Trọng Long
15 /02/ 2025	113	125	12		Nguyễn Trọng Long
16 /02/ 2025	125	125		CN	
17 /02/ 2025	125	135	10		Nguyễn Trọng Long
18 /02/ 2025	135	144	9		Nguyễn Trọng Long
19 /02/ 2025	144	154	10		Nguyễn Trọng Long
20 /02/ 2025	154	165	11		Nguyễn Trọng Long
21 /02/ 2025	165	176	11		Nguyễn Trọng Long
22 /02/ 2025	176	188	12		Nguyễn Trọng Long
23 /02/ 2025	188	188		CN	
24 /02/ 2025	188	198	10		Nguyễn Trọng Long
25 /02/ 2025	198	210	12		Nguyễn Trọng Long
26 /02/ 2025	210	222	12		Nguyễn Trọng Long
27 /02/ 2025	222	233	11		Nguyễn Trọng Long
28 /02/ 2025	233	246	13		Nguyễn Trọng Long
Cộng			246		

Số ngày làm việc: 23 Bình quân ngày: 10,70

Max = 13 Min 9

Scanned with CamScanner

Công Ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Xí Nghiệp Cao Su Bình Lợi

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC 65 m3/NGÀY

THÁNG 01 NĂM 2025

Ngày, tháng, năm	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Lưu lượng nước xả thải	Người theo dõi	
1 /01/ 2025	2121	2121		Nghỉ lễ	
2 /01/ 2025	2121	2133	12		Nguyễn Trọng Long
3 /01/ 2025	2133	2144	11		Nguyễn Trọng Long
4 /01/ 2025	2144	2156	12		Nguyễn Trọng Long
5 /01/ 2025	2156	2156		CN	
6 /01/ 2025	2156	2168	12		Nguyễn Trọng Long
7 /01/ 2025	2168	2181	13		Nguyễn Trọng Long
8 /01/ 2025	2181	2193	12		Nguyễn Trọng Long
9 /01/ 2025	2193	2204	11		Nguyễn Trọng Long
10 /01/ 2025	2204	2216	12		Nguyễn Trọng Long
11 /01/ 2025	2216	2229	13		Nguyễn Trọng Long
12 /01/ 2025	2229	2229		CN	
13 /01/ 2025	2229	2241	12		Nguyễn Trọng Long
14 /01/ 2025	2241	2254	13		Nguyễn Trọng Long
15 /01/ 2025	2254	2265	11		Nguyễn Trọng Long
16 /01/ 2025	2265	2277	12		Nguyễn Trọng Long
17 /01/ 2025	2277	2290	13		Nguyễn Trọng Long
18 /01/ 2025	2290	2302	12		Nguyễn Trọng Long
19 /01/ 2025	2302	2302		CN	
20 /01/ 2025	2302	2315	13		Nguyễn Trọng Long
21 /01/ 2025	2315	2327	12		Nguyễn Trọng Long
22 /01/ 2025	2327	2338	11		Nguyễn Trọng Long
23 /01/ 2025	2338	2350	12		Nguyễn Trọng Long
24 /01/ 2025	2350	2363	13		Nguyễn Trọng Long
25 /01/ 2025	2363	2363		Nghỉ tết	
26 /01/ 2025	2363	2363		Nghỉ tết	
27 /01/ 2025	2363	2363		Nghỉ tết	
28 /01/ 2025	2363	2363		Nghỉ tết	
29 /01/ 2025	2363	2363		Nghỉ tết	
30 /01/ 2025	2363	2363		Nghỉ tết	
31 /01/ 2025	2363	2363		Nghỉ tết	
Cộng			242		

Số ngày làm việc: 20 Bình quân ngày: 12,10

Max = 13 Min 11

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 395466

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản(Account No):

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2025 từ ngày 21/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	16.026	-	31.205.647
	(kèm theo bảng kê số 641924802 ngày 02 tháng 02 năm 2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	31.205.647
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	2.496.452
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	33.702.099

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba mươi ba triệu bảy trăm linh hai nghìn không trăm chín mươi chín đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/02/2025 14:11:58

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 395467

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản(Account No):

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2025 từ ngày 21/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	2.813	-	5.351.546
	(kèm theo bảng kê số 641924760 ngày 02 tháng 02 năm 2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	5.351.546
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	428.124
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	5.779.670

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Năm triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/02/2025 14:11:58

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 395468

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2025 từ ngày 21/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	9.902	-	19.081.477
	(kèm theo bảng kê số 641924786 ngày 02 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	19.081.477
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	1.526.518
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	20.607.995
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai mươi triệu sáu trăm linh bảy nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-02-2025 14:11:36

Khởi tạo từ (Created by Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 394878

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000000221
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2025 từ ngày 11/01/2025 đến ngày 20/01/2025	kWh	41.319	-	80.974.363
	(kèm theo bảng kê số 641026324 ngày 21 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	80.974.363
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	6.477.949
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	87.452.312
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Tám mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-01-2025 13:22:24

Khởi tạo từ (Created by Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-018

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 394879

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2025 từ ngày 11/01/2025 đến ngày 20/01/2025	kWh	4.237	-	8.094.660
	(kèm theo bảng kê số 641026299 ngày 21 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	8.094.660
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	647.573
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	8.742.233

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Tám triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm ba mươi ba đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-01-2025 13:23:29

Khởi tạo bởi *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 394880

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2025 từ ngày 11/01/2025 đến ngày 20/01/2025	kWh	32.508	-	64.349.320
	(kèm theo bảng kê số 641026313 ngày 21 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	64.349.320
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	5.147.946
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	69.497.266

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Sáu mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-01-2025 13:23:29

Khởi tạo bởi *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 393936

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản(*Account No*):

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/01/2025	kWh	47.071	-	92.782.689
	(kèm theo bảng kê số 641004422 ngày 11 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	92.782.689
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	7.422.615
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	100.205.304

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm triệu hai trăm linh năm nghìn ba trăm linh bốn đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/01/2025 15:15:15

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 393937

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản(*Account No*):

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/01/2025	kWh	5.902	-	11.470.981
	(kèm theo bảng kê số 641004374 ngày 11 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	11.470.981
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	917.678
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	12.388.659

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/01/2025 15:15:15

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 393938

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/01/2025	kWh	46 627	-	94 529 785
	(kèm theo bảng kê số 641004405 ngày 11 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	94.529.785
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	7.562.383
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	102.092.168

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm sáu mươi tám đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/01/2025 13:31:19

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100108673-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 904155

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000020221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2025 từ ngày 21/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	43.834	-	85.938.392
	(kèm theo bảng kê số 645384946 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	85.938.392
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	6.875.071
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	92.813.463

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Chín mươi hai triệu tám trăm mười ba nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 03-03-2025 13:55:07

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100108673-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 904156

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PEI0000140659

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2025 từ ngày 21/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	4,615	-	8.887.392
	(Kèm theo bảng kê số 64535A903 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	8.887.392
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	710.991
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	9.598.383
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Chín triệu năm trăm chín mươi tám nghìn ba trăm tám mươi ba đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/03/2025 13:54:26

Khởi tạo từ *(Created by Phần mềm CMIS - Công ty cổ phần Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code)*: 0100100079-012

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 904157

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PEI0000102470

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2025 từ ngày 21/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	42,538	-	75.948.377
	(kèm theo bảng kê số 64538A928 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	85.948.377
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	6.875.870
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	92.824.247
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Chín mươi hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/03/2025 13:54:26

Khởi tạo từ *(Created by Phần mềm CMIS - Công ty cổ phần Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code)*: 0100100079-012

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No.)*: 789192

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2025 từ ngày 11/02/2025 đến ngày 20/02/2025	kWh	54.286	-	106.725.010
	(kèm theo bảng kê số 643929833 ngày 21 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	106.725.010
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	8.538.001
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	115.263.011

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười một đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-02-2025 19:03:31

Khởi tạo từ Phần mềm CMIS - Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code): 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No.)*: 789193

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2025 từ ngày 11/02/2025 đến ngày 20/02/2025	kWh	5.399	-	10.449.301
	(kèm theo bảng kê số 643929813 ngày 21 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	10.449.301
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	835.944
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	11.285.245

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-02-2025 19:03:33

Khởi tạo từ Phần mềm CMIS - Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code): 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 789194

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2025 từ ngày 11/02/2025 đến ngày 20/02/2025	kWh	56.232	-	113.406.762
	(kèm theo bảng kê số 643929828 ngày 21 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	113.406.762
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	9.072.541
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	122.479.303
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm linh ba đồng.					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-02-2025 10:03:38

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 788251

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 10/02/2025	kWh	29.789	-	60.217.218
	(kèm theo bảng kê số 643908515 ngày 11 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	60.217.218
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	4.817.377
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	65.034.595
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: Sáu mươi lăm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng.					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-02-2025 10:40:30

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 11 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 788252

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 10/02/2025	kWh	4.852	-	9.470.336
	(kèm theo bảng kê số 643908431 ngày 11 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	9.470.336
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	757.627
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	10.227.963

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-02-2025 19:46:40

Ký tại: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh - TNHH - Công ty Điện lực Thủ Đức - Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code): 0300100079-019

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 11 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 788253

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 10/02/2025	kWh	31.203	-	64.614.396
	(kèm theo bảng kê số 643908495 ngày 11 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	64.614.396
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	5.169.152
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	69.783.548

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Sáu mươi chín triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-02-2025 19:46:40

Ký tại: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh - TNHH - Công ty Điện lực Thủ Đức - Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code): 0300100079-019

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1184114

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản(*Account No*):

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2025 từ ngày 21/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	53.838	-	105.373.336
	(kèm theo bảng kê số 6478656S2 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	105.373.336
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	8.429.867
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	113.803.203
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm mười ba triệu tám trăm linh ba nghìn hai trăm linh ba đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-04-2025 10:41:22

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điều hực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-016

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1184115

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản(*Account No*):

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2025 từ ngày 21/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	4.902	-	9.338.607
	(kèm theo bảng kê số 6478656S0 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	9.338.607
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	747.089
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	10.085.696
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười triệu không trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-04-2025 11:51:22

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điều hực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-016

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1184116

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2025 từ ngày 21/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	52.362	-	104.951.785
	(kèm theo bảng kê số 647365667 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	104.951.785
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	8.396.143
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	113.347.928

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm mười ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-04-2025 11:11:22

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1183181

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2025 từ ngày 11/03/2025 đến ngày 20/03/2025	kWh	54.627	-	105.978.179
	(kèm theo bảng kê số 647039221 ngày 21 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	105.978.179
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	8.558.254
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	115.536.433

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm mười lăm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-03-2025 19:04:11

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1183182

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2025 từ ngày 11/03/2025 đến ngày 20/03/2025	kWh	5.550	-	10.751.624
	(kèm theo bảng kê số 647039147 ngày 21 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**10.751.624**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**860.130**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**11.611.754**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười một triệu sáu trăm mười một nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-03-2025 10:04:11

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1183183

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2025 từ ngày 11/03/2025 đến ngày 20/03/2025	kWh	55.439	-	111.416.098
	(kèm theo bảng kê số 647039195 ngày 21 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**111.416.098**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**8.913.288**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**120.329.386**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm hai mươi triệu ba trăm hai mươi chín nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-03-2025 10:04:12

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1182250

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 10/03/2025	kWh	40.240	-	96.363.023
	(kèm theo bảng kê số 6470152I7 ngày 11 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	96.363.023
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	7.709.042
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	104.072.065

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 03/ 2025 10:24:17

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1182251

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 10/03/2025	kWh	5.265	-	10.115.664
	(kèm theo bảng kê số 6470152O2 ngày 11 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	10.115.664
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	809.253
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	10.924.917

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm mười bảy đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 03/ 2025 10:24:17

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

EVN

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 1182252

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 10/03/2025	kWh	47.661	-	96.032.506
	(kèm theo bảng kê số 647015212 ngày 11 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	96.032.506
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	7.682.600
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	103.715.106
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh ba triệu bảy trăm mười lăm nghìn một trăm linh sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-03-2025 10:24:17

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company) Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010

Scanned with CamScanner

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

EVN

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 1877280

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 21/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	51.035	-	98.983.864
	(kèm theo bảng kê số 652371741 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	98.983.864
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	7.918.709
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	106.902.573
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh sáu triệu chín trăm linh hai nghìn năm trăm bảy mười ba đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-05-2025 11:14:21

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company) Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1877281

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK
Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 21/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	5.336	-	10.381.550
	(kèm theo bảng kê số 652371688 ngày 02 tháng 05 năm 2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**10.381.550**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**830.524**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**11.212.074**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười một triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
ĐƠN VỊ: CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-05-2025 11:36:23

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1877282

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK
Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 21/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	46.666	-	95.471.641
	(kèm theo bảng kê số 652371730 ngày 02 tháng 05 năm 2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	95.471.641
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	7.637.731
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	103.109.372
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh ba triệu một trăm linh chín nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
ĐƠN VỊ: CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-05-2025 11:36:23

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1579029

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000160221
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 11/04/2025 đến ngày 20/04/2025	kWh	50.948	-	98.375.051
	(kèm theo bảng kê số 650060301 ngày 21 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	98.375.051
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	7.870.004
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	106.245.055

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm lẻ sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm năm mươi lăm đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-04-2025 16:24:19

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viện Công nghệ học và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1579030

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000160659
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 11/04/2025 đến ngày 20/04/2025	kWh	6.307	-	12.235.853
	(kèm theo bảng kê số 650060263 ngày 21 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	12.235.853
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	978.868
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	13.214.721

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười ba triệu hai trăm mười bốn nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-04-2025 19:24:49

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viện Công nghệ học và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 11 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1578075

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 10/04/2025	kWh	48.738	-	94.891.991
	(kèm theo bảng kê số 650038749 ngày 11 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	94.891.991
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	7.591.359
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	102.483.350

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN CÔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 04/ 2025 09:51:42

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viện thông tin điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 11 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1578076

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 10/04/2025	kWh	5.180	-	10.127.927
	(kèm theo bảng kê số 650038680 ngày 11 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	10.127.927
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	810.234
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	10.938.161

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười triệu chín trăm ba mươi tám nghìn một trăm sáu mươi mốt đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN CÔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 04/ 2025 09:51:42

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viện thông tin điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1578877

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 10/04/2025	kWh	46.506	-	93.935.876
	(kèm theo bảng kê số 650038725 ngày 11 tháng 04 năm 2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	93.935.876
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	7.514.870
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	101.450.746
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh một triệu bốn trăm năm mươi nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-04-2025 09:58:42

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1976001

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2025 từ ngày 21/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	66.185	-	132.834.917
	(kèm theo bảng kê số 655062961 ngày 02 tháng 06 năm 2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	132.834.917
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	10.626.793
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	143.461.710
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm mười đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-06-2025 15:45:00

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1976002

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2025 từ ngày 21/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	6.649	-	13.476.226
	(kèm theo bảng kê số 655061932 ngày 02 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	13.476.226
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.078.098
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	14.554.324

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười bốn triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-06-2025 15:45:00

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1976003

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2025 từ ngày 21/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	58.681	-	126.138.084
	(kèm theo bảng kê số 655062951 ngày 02 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	126.138.084
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	10.091.047
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	136.229.131

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi chín nghìn một trăm ba mươi mốt đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-06-2025 15:45:00

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Thiên

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 1975355

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2025 từ ngày 11/05/2025 đến ngày 20/05/2025	kWh	59.166	-	118.860.856
	(kèm theo bảng kê số 653054629 ngày 21 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	118.860.856
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	9.508.868
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	128.369.724
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: Một trăm hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/05/2025 13:14:59

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100029-010

Scanned with CamScanner

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Thiên

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 1975356

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2025 từ ngày 11/05/2025 đến ngày 20/05/2025	kWh	6.170	-	12.491.884
	(kèm theo bảng kê số 653054614 ngày 21 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	12.491.884
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	999.351
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	13.491.235
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: Mười ba triệu bốn trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng.					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/05/2025 13:14:59

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100029-010

Scanned with CamScanner

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 1975357

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2025 từ ngày 11/05/2025 đến ngày 20/05/2025	kWh	50.553	-	108.391.374
	(kèm theo bảng kê số 653054624 ngày 21 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	108.391.374
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	8.671.310
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	117.062.684

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-05-2025 13:16:54

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 1974343

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 10/05/2025	kWh	30.904	-	60.453.239
	(kèm theo bảng kê số 653038662 ngày 10 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	60.453.239
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	4.836.259
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	65.289.498

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Sáu mươi lăm triệu hai trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 10-05-2025 16:18:02

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 1974344

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 10/05/2025	kWh	4,763	-	9.270.547
	(kèm theo bảng kê số 653038636 ngày 10 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	9.270.547
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	741.644
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	10.012.191
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười triệu Không trăm mười hai nghìn một trăm chín mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 10-05-2025 16:14:02

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 1974345

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300419930-007

Địa chỉ (Address): 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE10000102400

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 10/05/2025	kWh	27,639	-	56,844,735
	(kèm theo bảng kê số 653038643 ngày 10 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng (Total amount):	56,844,735
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	4,547,579
Tỷ giá (Exchanged rate):				Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	61,392,314
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn ba trăm mười bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 10-05-2025 16:14:02

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 2375065

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Số định danh *(ID No)*:
Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:
Số hộ chiếu *(Passport No)*:
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000270221
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK
Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2025 từ ngày 11/06/2025 đến ngày 20/06/2025	kWh	60.376	-	121.119.727
	(kèm theo bảng kê số 6560262249 ngày 21 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	121.119.727
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	9.689.578
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	130.809.305

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm ba mươi triệu tám trăm linh chín nghìn ba trăm linh năm đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - DNTH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/06/2025 09:53:14

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 2375066

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:
Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007
Số định danh *(ID No)*:
Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:
Số hộ chiếu *(Passport No)*:
Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000240559
Số tài khoản *(Account No)*:
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK
Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2025 từ ngày 11/06/2025 đến ngày 20/06/2025	kWh	5.815	-	11.772.856
	(kèm theo bảng kê số 6560262200 ngày 21 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	11.772.856
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	941.828
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	12.714.684

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười hai triệu bảy trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - DNTH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/06/2025 09:53:14

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic service display)

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 2375867

Ngày (Date) 21 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2025 từ ngày 11/06/2025 đến ngày 20/06/2025	kWh	55.587	-	117.737.381
	(kèm theo bảng kê số 656026221 ngày 21 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	117.737.381
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	9.418.990
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	127.156.371

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi một đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-06-2025 09:33:14

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 2372024

Ngày (Date) 11 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 10/06/2025	kWh	49.261	-	97.282.764
	(kèm theo bảng kê số 656000267 ngày 11 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	97.282.764
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	7.782.621
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	105.065.385

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh năm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-06-2025 14:26:12

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 2372125

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 10/06/2025	kWh	5.873	-	11.781.401
	(kèm theo bảng kê số 656000199 ngày 11 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**11.781.401**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**942.512**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**12.723.913**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười hai triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn chín trăm mười ba đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/06/2025 14:26:12

Được tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company) Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 2372026

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102900

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 10/06/2025	kWh	46.034	-	97.747.680
	(kèm theo bảng kê số 656000240 ngày 11 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**97.747.680**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**7.819.814**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**105.567.494**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh năm triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/06/2025 11:28:12

Được tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company) Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 3171996

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2025 từ ngày 21/08/2025 đến ngày 31/08/2025	kWh	85.527	-	177.157.613
	(kèm theo bảng kê số 1552626787 ngày 02 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	177.157.613
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	14.172.609
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	191.330.222

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm chín mươi mốt triệu ba trăm ba mươi nghìn hai trăm hai mươi hai đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-09-2025 12:40:41

Khởi tạo bởi *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No)*: 3171995

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2025 từ ngày 21/08/2025 đến ngày 31/08/2025	kWh	8.503	-	17.103.140
	(kèm theo bảng kê số 1552626757 ngày 02 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	17.103.140
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.368.251
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	18.471.391

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười tám triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi mốt đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-09-2025 12:39:41

Khởi tạo bởi *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 3171994

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000071221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2025 từ ngày 21/08/2025 đến ngày 31/08/2025	kWh	71.126	-	141.819.619
	(kèm theo bảng kê số 1552626798 ngày 02 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	141.819.619
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	11.345.570
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	153.165.189

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm tám mươi chín đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-09-2025 12:46:41

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 3170995

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000071221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2025 từ ngày 11/08/2025 đến ngày 20/08/2025	kWh	70.452	-	142.061.293
	(kèm theo bảng kê số 1551469627 ngày 21 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	142.061.293
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	11.364.903
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	153.426.196

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn một trăm chín mươi sáu đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-08-2025 19:24:52

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Decorvic Invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 3170996

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2025 từ ngày 11/08/2025 đến ngày 20/08/2025	kWh	7.830	-	15.848.582
	(kèm theo bảng kê số 1551469611 ngày 21 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	15.848.582
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.267.887
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	17.116.469

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: Mười bảy triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-08-2025 10:24:52

Khởi tạo từ Connect Ivy Phần mềm CMIS - Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Decorvic Invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 3170997

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102470

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2025 từ ngày 11/08/2025 đến ngày 20/08/2025	kWh	86443	-	180.618.351
	(kèm theo bảng kê số 1551469622 ngày 21 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	180.618.351
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	14.449.468
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	195.067.819

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: Một trăm chín mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm mười chín đồng.

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-08-2025 10:24:52

Khởi tạo từ Connect Ivy Phần mềm CMIS - Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567991 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU

Số (No): 3170095

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070021

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 10/08/2025	kWh	65.076	-	129.318.076
	(kèm theo bảng kê số 1551448357 ngày 11 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	129.318.076
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	10.345.446
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	139.663.522

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm hai mươi hai đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-08-2025 09:54:55

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100076-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567991 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU

Số (No): 3170096

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070059

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 10/08/2025	kWh	6.873	-	13.760.293
	(kèm theo bảng kê số 1551448321 ngày 11 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	13.760.293
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.100.823
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	14.861.116

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười bốn triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm mười sáu đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-08-2025 09:54:55

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100076-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 3170097

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Khu Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 10/08/2025	kWh	76.299	-	156.488.229
	(kèm theo bảng kê số 1551443266 ngày 11 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	156.488.229
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	12.519.058
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	169.007.287

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm sáu mươi chín triệu không trăm linh bảy nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/08/2025 09:54:15

Được tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS - Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code): 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 2772418

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Khu Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2025 từ ngày 21/07/2025 đến ngày 31/07/2025	kWh	67.279	-	136.324.472
	(kèm theo bảng kê số 1548433755 ngày 02 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	136.324.472
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	10.905.958
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	147.230.430

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/08/2025 10:20:44

Được tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS - Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code): 0100100079-018

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 2772419

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2025 từ ngày 21/07/2025 đến ngày 31/07/2025	kWh	7.201	-	14.604.650
	(kèm theo bảng kê số 1548433740 ngày 02 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	14.604.650
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.168.372
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	15.773.022

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn không trăm hai mươi hai đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-08-2025 15:29:49

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phần mềm CMIS - Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 0100100079-016

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 2772420

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2025 từ ngày 21/07/2025 đến ngày 31/07/2025	kWh	74.954	-	155.376.438
	(kèm theo bảng kê số 1548433750 ngày 02 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	155.376.438
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	12.430.115
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	167.806.553

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm linh sáu nghìn năm trăm năm mươi ba đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-08-2025 15:29:49

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phần mềm CMIS - Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 0100100079-016

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 2771748

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102021

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2025 từ ngày 11/07/2025 đến ngày 20/07/2025	kWh	66.922	-	133.117.895
	(kèm theo bảng kê số 1547370634 ngày 21 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	133.117.895
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	10.649.432
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	143.767.327

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Ký bởi: CN CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-07-2025 13:14:32

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS - Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 2771750

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2025 từ ngày 11/07/2025 đến ngày 20/07/2025	kWh	65.252	-	136.480.831
	(kèm theo bảng kê số 1547370634 ngày 21 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	136.480.831
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	10.918.466
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	147.399.297

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Ký bởi: CN CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-07-2025 13:14:32

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS - Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900515451

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 2376985

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102403

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2025 từ ngày 21/06/2025 đến ngày 30/06/2025	kWh	52.533	-	110.369.113
	(kèm theo bảng kê số 657287239 ngày 02 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	110.369.113
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	8.829.529
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	119.198.642

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm mười chín triệu một trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02-07-2025 11:58:00

Khởi tạo từ *(Created by)* Dịch vụ hóa đơn điện tử - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - MST: 0106000776-016

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử *(Electronic invoice display)*

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 2376083

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Khu Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2025 từ ngày 21/05/2025 đến ngày 30/06/2025	kWh	57,586	-	115.357.238
	(kèm theo bảng kê số 6572872248 ngày 02 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	115.357.238
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	9.228.579
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	124.585.817

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm mười bảy đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử *(Electronic invoice display)*

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 3571452

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Khu Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2025 từ ngày 21/08/2025 đến ngày 30/09/2025	kWh	92,220	-	198.478.248
	(kèm theo bảng kê số 1532410617 ngày 02 tháng 10 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	198.478.248
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	15.238.268
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	265.716.585

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai trăm bảy mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951154-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19255454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice Display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU

Số (No): 3573431

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 3702479938-007

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/3 Khu Vạn Cla, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE0000[illegible]23

Số tài khoản/Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2025 từ ngày 20/08/2025 đến ngày 30/09/2025	kWh	6[illegible]	-	11.304.742
	(Kèm theo bảng kê số 3337018397 ngày 02 tháng 10 năm 2025)				
			Cộng tiền hàng (Total amount):		11.304.742
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.864.579
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		13.169.321

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Ngày ký: 02-10-2025 11:55:16

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951154-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19255454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice Display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU

Số (No): 3573430

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 3702479938-007

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/3 Khu Vạn Cla, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE0000[illegible]23

Số tài khoản/Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2025 từ ngày 20/08/2025 đến ngày 30/09/2025	kWh	61[illegible]	-	329.415.194
	(Kèm theo bảng kê số 3337018428 ngày 02 tháng 10 năm 2025)				
			Cộng tiền hàng (Total amount):		329.415.194
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		18.353.216
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		339.768.410

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm mười đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Ngày ký: 02-10-2025 11:55:16

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 3571637

Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419030-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2025 từ ngày 11/09/2025 đến ngày 20/09/2025	kWh	70.953	-	141.979.806
	(kèm theo bảng kê số 1555619972 ngày 21 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	141.979.806
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	11.356.384
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	153.338.190

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn một trăm chín mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-09-2025 18:22:24

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông Điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THU ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 3571638

Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419030-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140059

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2025 từ ngày 11/09/2025 đến ngày 20/09/2025	kWh	7.433	-	15.062.130
	(kèm theo bảng kê số 1555619942 ngày 21 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	15.062.130
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.204.974
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	16.267.154

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm năm mươi bốn đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-09-2025 18:22:51

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông Điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No.)*: 3571639

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007 — Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*: — Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000100400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK — Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2025 từ ngày 11/09/2025 đến ngày 20/09/2025	kWh	97.263	-	200.485.539
	(kèm theo bảng kê số 1555619960 ngày 21 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	200.485.539
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	16.038.843
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	216.524.382
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-09-2025 10:22:51

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 11 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU
Số *(No.)*: 3570637

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007 — Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*: — Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000000221

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK — Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 10/09/2025	kWh	50.211	-	101.670.117
	(kèm theo bảng kê số 1555600618 ngày 11 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	101.670.117
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	8.133.609
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	109.803.726
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh chín triệu tám trăm linh ba nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-09-2025 11:31:11

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 3570638

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 10/09/2025	kWh	6.729	-	13.607.639
	(kèm theo bảng kê số 1555600603 ngày 11 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	13.607.639
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.088.611
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	14.696.250
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: Mười bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng.					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-09-2025 11:11:14

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 3570639

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 10/09/2025	kWh	68.433	-	142.354.289
	(kèm theo bảng kê số 1555600613 ngày 11 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	142.354.289
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	11.388.343
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	153.742.632
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: Một trăm năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-09-2025 11:11:15

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-018

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1K24TTU
Số *(No)*: 3879096

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000070221

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2024 từ ngày 21/10/2024 đến ngày 31/10/2024	kWh	50.923	-	99.645.949
	(kèm theo bảng kê số 633366207 ngày 02 tháng 11 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	99.645.949
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	7.971.676
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	107.617.625

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm linh bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/11/2024 15:30:56

Khởi tạo và Chuyển đổi bởi Phần mềm CMIS - Công ty Cổ phần Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 0100100075-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1K24TTU
Số *(No)*: 3879097

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE10000140659

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2024 từ ngày 21/10/2024 đến ngày 31/10/2024	kWh	4945	-	9.582.640
	(kèm theo bảng kê số 633365175 ngày 02 tháng 11 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	9.582.640
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	766.611
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	10.349.251

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm năm mươi mốt đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/11/2024 15:30:56

Khởi tạo và Chuyển đổi bởi Phần mềm CMIS - Công ty Cổ phần Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 0100100075-010

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1K24TTU

Số *(No)*: 3879058

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419930-007

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE010000102400

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2024 từ ngày 21/10/2024 đến ngày 31/10/2024	kWh	57.913	-	117.831.367
	(kèm theo bảng kê số 633366196 ngày 02 tháng 11 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	117.831.367
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	9.426.509
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	127.257.876

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng.*

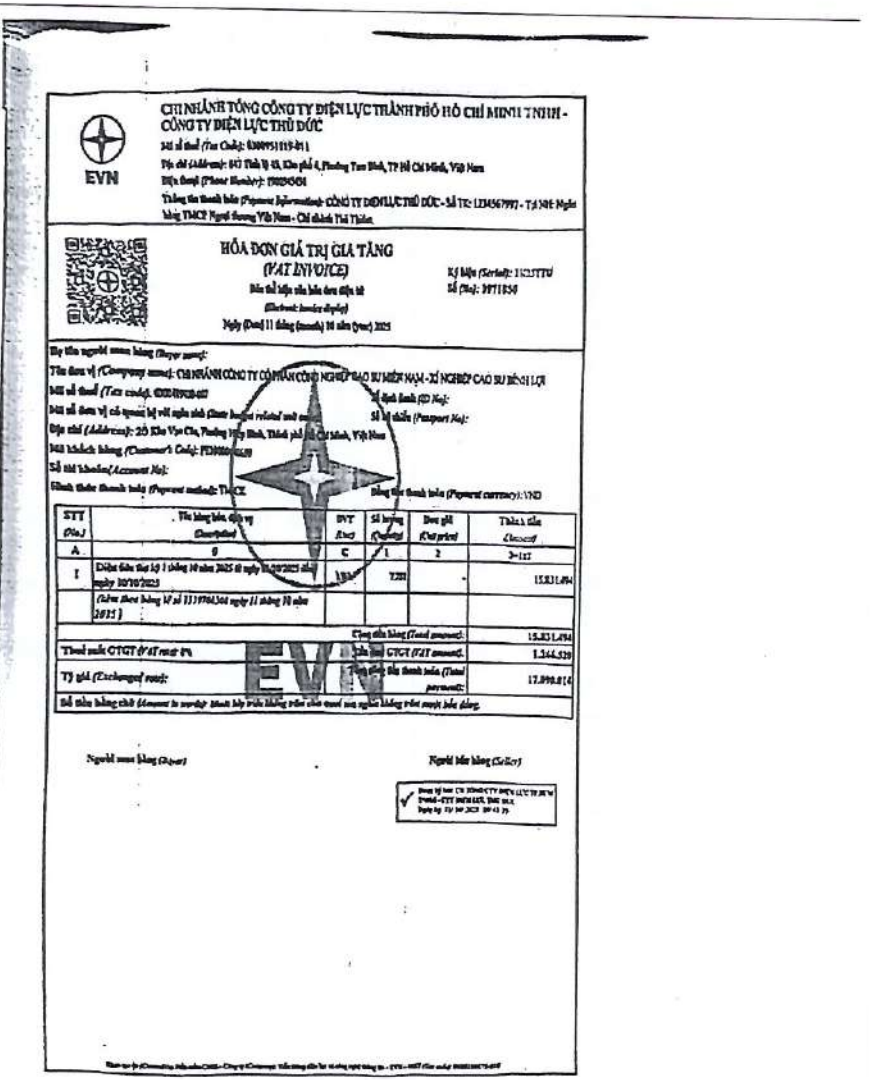
Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/11/2024 13:56:56

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CAMS – Công ty *(Company)* Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100109079-019

Scanned with CamScanner



Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19005454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 123456789 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic Invoice Display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 39711851

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300379038-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số định danh (ID No):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/3 Khu Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0000000

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2025 từ ngày 16/09/2025 đến ngày 30/10/2025	kWh	98,877	-	198,613,770
	(Kèm theo bảng kê số 1339706379 ngày 11 tháng 10 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng (Total amount):	198,613,770
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	15,889,102
Tỷ giá (Exchange rate):				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	214,502,872

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm mười bốn triệu năm trăm linh hai nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-10-2025 09:41:10

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19005454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 123456789 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic Invoice Display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 39711849

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300379038-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số định danh (ID No):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/3 Khu Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0000000

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2025 từ ngày 16/09/2025 đến ngày 30/10/2025	kWh	64,372	-	129,346,161
	(Kèm theo bảng kê số 1339706374 ngày 11 tháng 10 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng (Total amount):	129,346,161
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	10,347,693
Tỷ giá (Exchange rate):				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	139,693,855

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-10-2025 09:41:10

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0304951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU

Số (No): 3971861

Ngày (Date) 21 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300419930-007

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (If any):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 20 Khu Văn Câu, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE0000[illegible]

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2025 từ ngày 11/10/2025 đến ngày 20/10/2025	kWh	7.233	-	14.726.839
	(kèm theo bảng kê số 1339731806 ngày 21 tháng 10 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng (Total amount):	14.726.839
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	1.178.083
Tỷ giá (Exchange rate):				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	15.904.922

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu chín trăm linh bốn nghìn chín trăm hai mươi hai đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP.HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-10-2025 10:03:17

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0304951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU

Số (No): 3971861

Ngày (Date) 21 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300419930-007

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (If any):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 20 Khu Văn Câu, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE0000[illegible]

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2025 từ ngày 11/10/2025 đến ngày 20/10/2025	kWh	1.934	6140	- 120.0580
	(kèm theo bảng kê số 1339731423 ngày 21 tháng 10 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng (Total amount):	130.419.983
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	10.433.599
Tỷ giá (Exchange rate):				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	140.853.582

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP.HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21-10-2025 10:03:17

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 643 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19005454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567897 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 4334929

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300419939-007

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với người mua (Customer's related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/5 Khu Vịnh Cửu, Phường Hội Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0000000039

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2025 từ ngày 16/11/2025 đến ngày 20/11/2025 (Theo theo bảng kê số 1543991338 ngày 21 tháng 11 năm 2025)	kWh	8.320		13.617.733
				Cộng tiền hàng (Total amount):	13.617.733
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	1.415.820
Tỷ giá (Exchange rate):				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	15.143.773

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười năm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 21 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No): 4334929

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300419939-007

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với người mua (Customer's related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/5 Khu Vịnh Cửu, Phường Hội Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0000000039

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2025 từ ngày 16/11/2025 đến ngày 20/11/2025 (Theo theo bảng kê số 1543991338 ngày 21 tháng 11 năm 2025)	kWh	8.320		13.617.733
				Cộng tiền hàng (Total amount):	13.617.733
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	1.415.820
Tỷ giá (Exchange rate):				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	15.143.773

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười năm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19005454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567777 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1K25TTU

Số *(No)*: 4377938

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế *(Tax code)*: 0300419536-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số định danh *(ID No)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: 2/3 Khu Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE[redacted]

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2025 từ ngày Thg10/2025 đến ngày 20/11/2025	kWh	71.775		143.691.458
	(Kèm theo bảng kê số 1543899342 ngày 21 tháng 11 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	143.691.458
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	11.495.317
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				Tổng tiền thanh toán *(Total payment)*:	155.186.775

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Một trăm năm mươi lăm triệu một trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 20/11/2025 11:41:23

Scanned with CamScanner

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300951119-011

Địa chỉ *(Address)*: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19005454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567777 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU

Số (No): 4377938

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300419536-007

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số định danh (ID No):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/3 Khu Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE[redacted]

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2025 từ ngày Thg10/2025 đến ngày 20/11/2025	kWh	102.972		212.617.174
	(Kèm theo bảng kê số 1543899338 ngày 21 tháng 11 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng (Total amount):	212.617.174
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	17.009.374
Tỷ giá (Exchanged rate):				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	229.626.548

Số tiền bằng chữ (Amount in words): *Hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng.*

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP HCM - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 20/11/2025 11:41:23

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0309951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19255454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 11 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No.): 4373899

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300459936-002

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số định danh (ID No):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/3 Kim Vạn Cảo, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE0000000000

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 10/11/2025	kWh	55.820	-	182.375.576
	(Kèm theo bảng kê số 1561253737 ngày 11 tháng 11 năm 2025)				
			Cộng tiền hàng (Total amount):		182.375.576
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		9.990.046
Tỷ giá (Exchange rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		192.365.622

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-11-2025 13:23:44

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0309951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19255454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 11 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU
Số (No.): 4373899

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300459936-002

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số định danh (ID No):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/3 Kim Vạn Cảo, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE0000000000

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 10/11/2025	kWh	51.831	-	168.254.175
	(Kèm theo bảng kê số 1561253725 ngày 11 tháng 11 năm 2025)				
			Cộng tiền hàng (Total amount):		168.254.175
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		13.460.322
Tỷ giá (Exchange rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		181.714.545

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm mười bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11-11-2025 13:23:44

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

EVN

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006564

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice Display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TTU

Số (No.): 4373894

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Mã số thuế (Tax code): 0300459035-009

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Code budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE10000140659

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 12 năm 2025 từ ngày 21/12/2025 đến ngày 31/12/2025	kWh	7.484	-	15.134.270
	(Theo chỉ số bảng kê số 1543253893 ngày 11 tháng 12 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng (Total amount):	15.134.270
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	1.210.742
Tỷ giá (Exchanged rate):				Tổng tiền thanh toán (Total payment):	16.345.012

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm mười hai đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/12/2025 15:22:04

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

EVN

19005454454

35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh
MST: 0300951119
Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
MST: 0300951119-011
Số tài khoản: 1234567997 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm
Địa chỉ: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN
(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI
Địa chỉ	2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	0909268244
Email	binhloi@casumina.com.vn
Mã số thuế	0300419030-007
Địa chỉ sử dụng điện	2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm Có kỳ mua công suất phản kháng
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Mã khách hàng: PE10000140659

Số tiền thanh toán: 14.057.132 đồng

Hạn thanh toán: 06/01/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

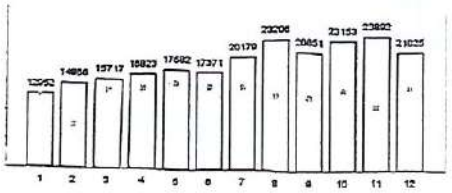
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://cskh.evnhcmc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 12/2025 (11 ngày từ 21/12/2025 đến 31/12/2025)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16228167				
Khung giờ bình thường	1	259.198	255.305	3.893
Khung giờ cao điểm	1	79.133	77.875	1.258
Khung giờ thấp điểm	1	70.764	69.415	1.349
				Tổng: 6.500



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVArh)
16228167	1	58.550	58.309	241

SLVC/SLHC: 241/6.500 - HỆ SỐ COSFI: 1 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.833	3.893	7.135.869
Khung giờ cao điểm	3.398	1.258	4.274.684
Khung giờ thấp điểm	1.190	1.349	1.605.310
Tổng			13.015.863
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			6.500
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			13.015.863
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			1.041.269

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh

19005454454

cskh@hcmpc.com.vn

https://zalo.me/evnhcmc

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/01/2026

Scanned with CamScanner

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH 1900545454

35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh
MST: 0300951119
Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
MST: 0300951119-011
Số tài khoản: 1234567897 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm
Địa chỉ: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI**
Địa chỉ	2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	0909288244
Email	binhloi@casumina.com.vn
Mã số thuế	0300419930-007
Địa chỉ sử dụng điện	2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm Có kỳ mua công suất phản kháng
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Mã khách hàng: PE10000102400
Số tiền thanh toán: 191.104.604 đồng
Hạn thanh toán: 06/01/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

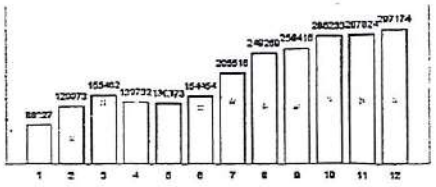
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://cskh.evnhcmc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 12/2025 (11 ngày từ 21/12/2025 đến 31/12/2025)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19961339				
Khung giờ bình thường	1	2.898.962	2.844.483	54.479
Khung giờ cao điểm	1	1.042.562	1.024.452	18.110
Khung giờ thấp điểm	1	641.266	628.198	13.068
				Tổng: 85.657



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ▫ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVArh)
19961339	1	1.320.417	1.290.083	30.334

SLVC/SLHC: 30.334/85.657 - HỆ SỐ COSFI: 0,94 - HỆ SỐ K %: 0

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC
35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh
1900545454
cskh@hcmpc.com.vn
https://zalo.me/evnhcmc
Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/01/2026

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.833	54.479	99.860.007
Khung giờ cao điểm	3.398	18.110	61.537.780
Khung giờ thấp điểm	1.190	13.068	15.550.920
Tổng			176.948.707
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			85.657
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			176.948.707
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			14.155.897

Scanned with CamScanner

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH 1900545454

35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh
MST: 0300951119
Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
MST: 0300951119-011
Số tài khoản: 1234567897 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm
Địa chỉ: 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI**
Địa chỉ	2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	0909288244
Email	binhloi@casumina.com.vn
Mã số thuế	0300419930-007
Địa chỉ sử dụng điện	2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm Có kỳ mua công suất phản kháng
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Mã khách hàng: PE10000070221
Số tiền thanh toán: 144.217.169 đồng
Hạn thanh toán: 06/01/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng về lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

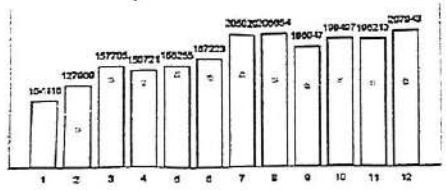
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://cskh.evnhcmc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 12/2025 (11 ngày từ 21/12/2025 đến 31/12/2025)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20661781				
Khung giờ bình thường	1	2.344.693	2.307.709	36.984
Khung giờ cao điểm	1	907.065	893.297	13.768
Khung giờ thấp điểm	1	936.373	920.441	15.932
				Tổng: 66.684



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ▫ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVArh)
20661781	1	1.723.875	1.696.716	27.159

SLVC/SLHC: 27.159/66.684 - HỆ SỐ COSFI: 0,93 - HỆ SỐ K %: 0

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC
35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh
1900545454
cskh@hcmpc.com.vn
https://zalo.me/evnhcmc
Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/01/2026

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.833	36.984	67.791.672
Khung giờ cao điểm	3.398	13.768	46.783.664
Khung giờ thấp điểm	1.190	15.932	18.958.080
Tổng			133.534.416
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			66.684
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			133.534.416
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			10.682.753

Scanned with CamScanner